

Cập nhật Danh mục đầu tư:

CÂN BẰNG

QNS → **GMD**

THẬN TRỌNG

QNS → **DPM**

VNM → **VCB**

SMART PORTFOLIO

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Tháng 02/2025

● Thuộc bộ sản phẩm giải pháp đầu tư

smartDragon

Kiến tạo tương lai thịnh vượng

Mục lục

smartPortfolio tháng 02/2025

I. Tổng quan danh mục 01-04

- | | |
|--|----|
| 1. Thống kê hiệu quả danh mục | 04 |
| 2. Top 10 cổ phiếu trong danh mục chính có hiệu suất nổi bật | 04 |

II. Cập nhật Danh mục chính 05-29

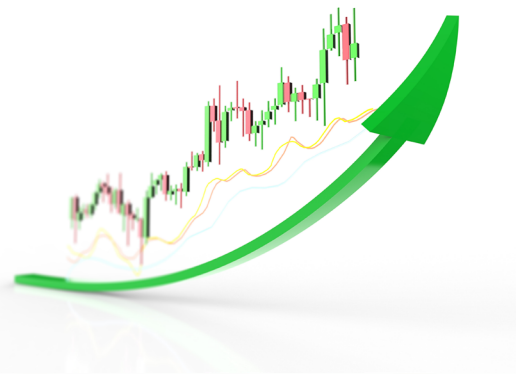
- | | |
|---------------------------|----|
| 1. Danh mục THẬN TRỌNG | 05 |
| 2. Danh mục CÂN BẰNG | 07 |
| 3. Danh mục TĂNG TRƯỞNG | 09 |
| 4. Danh mục MIDCAP | 11 |
| 5. Danh mục SMALLCAP | 13 |
| 6. Điểm nhấn doanh nghiệp | 15 |

III. Cập nhật Danh mục chủ đề 30-32

- | | |
|-----------------------------------|----|
| 1. Cổ tức tiền mặt | 31 |
| 2. Đầu tư công | 31 |
| 3. P/B < 1 | 31 |
| 4. BĐS dân dụng & khu công nghiệp | 32 |

IV. Giới thiệu về smartPortfolio 33-36

- | | |
|---|----|
| 1. Tổng quan về smartPortfolio | 33 |
| 2. Phương pháp xây dựng danh mục đầu tư | 34 |
| 3. Diễn giải | 36 |



“Áp lực chốt lời cũng có thể gia tăng sau 2 tuần tăng trưởng. Kịch bản có thể xảy ra là Vn-Index sẽ kiểm tra lại vùng hỗ trợ 1.250 - 1.257 điểm, nơi có các đường trung bình quan trọng.”

Chỉ số Vn-Index đã chứng kiến sự phục hồi ấn tượng trong 3 tuần liên tiếp, tăng 49 điểm. Tuy nhiên, thanh khoản thị trường vẫn ở mức thấp, đạt 12.827 tỷ đồng, giảm đáng kể so với cùng kỳ (30,25%) và tháng trước (22,31%). Mặc dù vậy, nhiều nhóm cổ phiếu đã tăng trưởng trên diện rộng, bao gồm Ngân hàng, Chứng khoán, Bán lẻ, Logistics, Cao su tự nhiên, Viettel và Công nghệ.

Vn-Index đã vượt qua các ngưỡng MA50, MA100 và MA200, nhưng đang đối mặt với ngưỡng cản từ đường trendline giảm giá từ tháng 10/2024. Với thanh khoản hiện tại (12.000 - 13.000 tỷ đồng/phiên), khả năng vượt cản mạnh mẽ là thấp.

TỔNG QUAN DANH MỤC ĐẦU TƯ

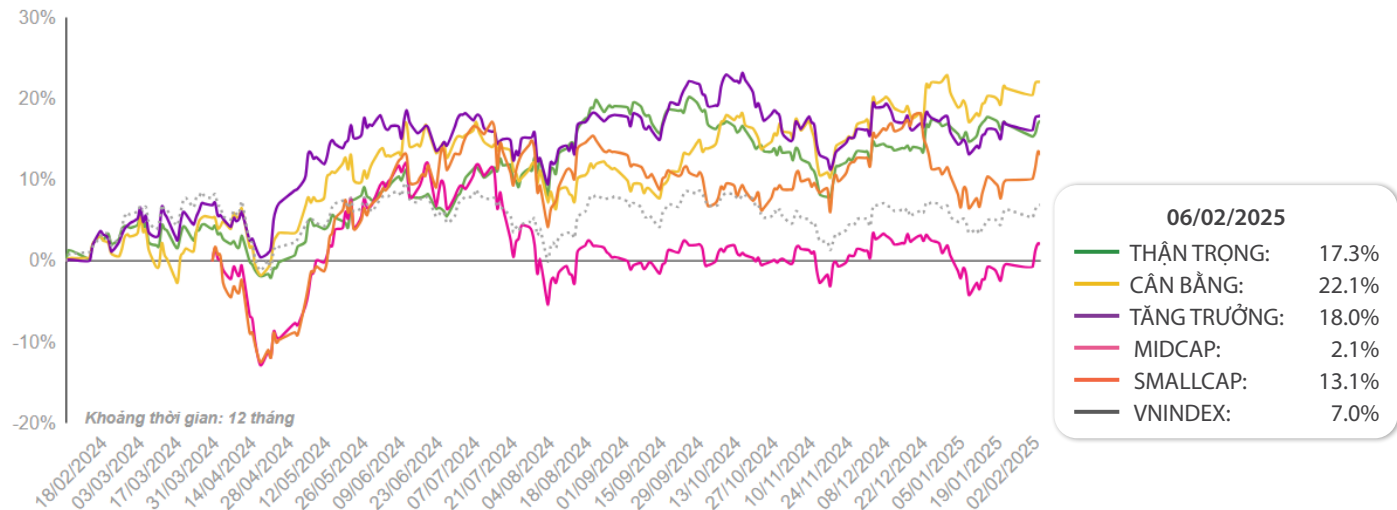
Tháng 02/2025

Tối ưu hóa danh mục đầu tư cùng smartPortfolio: Bắt nhịp thị trường với những cơ hội mới

Ở kỳ ấn phẩm này, chúng tôi đề xuất những thay đổi sau cho danh mục đầu tư smartPortfolio như sau:

- ✓ Danh mục **THẬN TRỌNG**: Chúng tôi thay thế **QNS, VNM** bằng **DPM, VCB**
- ✓ Danh mục **CÂN BẰNG**: Chúng tôi thay thế **QNS** bằng **GMD**

HIỆU QUẢ DANH MỤC ĐẦU TƯ

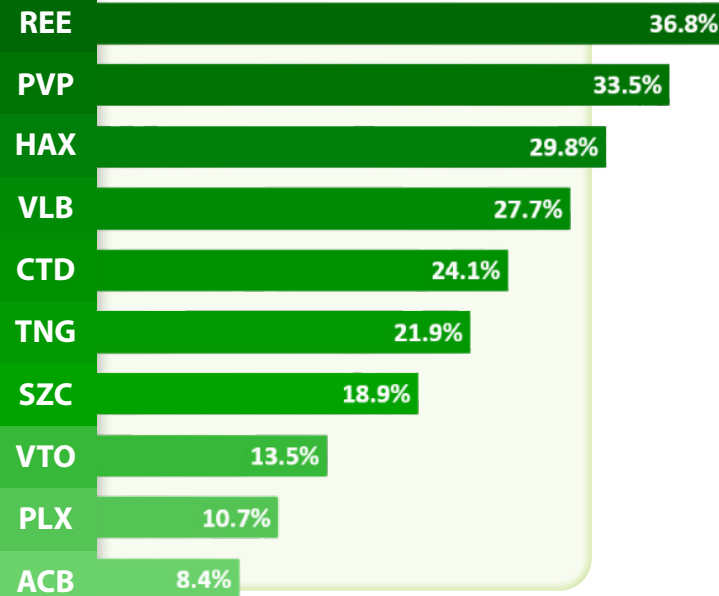


THỐNG KÊ HIỆU QUẢ DANH MỤC THEO THỜI GIAN

Danh mục	1M	3M	6M	12M	YTD
THẬN TRỌNG	1.4%	3.0%	5.5%	17.3%	0.5%
CÂN BẰNG	2.7%	3.9%	12.5%	22.1%	-0.1%
TĂNG TRƯỞNG	3.1%	0.7%	5.2%	18.0%	0.3%
MIDCAP	3.4%	0.6%	4.9%	2.1%	1.1%
SMALLCAP	4.5%	2.2%	6.3%	13.1%	2.1%
VNINDEX	2.0%	0.8%	5.1%	7.0%	0.4%

TOP 10 cổ phiếu

trong danh mục chính có
Hiệu suất nổi bật



CẬP NHẬT DANH MỤC CHÍNH

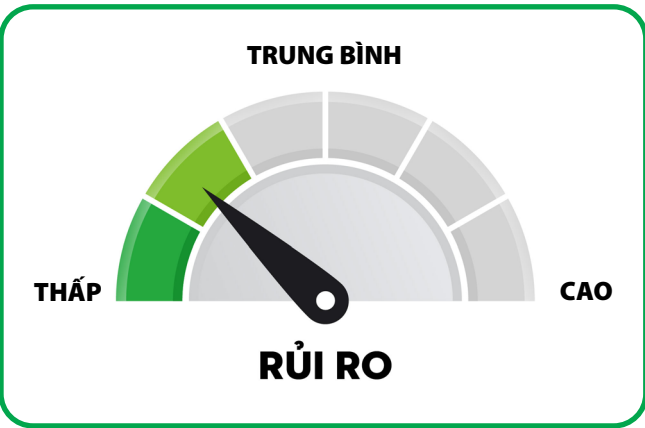
DANH MỤC THẬN TRỌNG

- ✓ Danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, trả cổ tức cao và đều đặn, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá thấp so với các yếu tố cơ bản.
- ✓ Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư thận trọng, có mức độ chịu rủi ro thấp và thời gian đầu tư dài hạn. Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 8-10%/năm.
- ✓ Danh mục có thể kết hợp đầu tư khoản thu nhập cố định như Trái phiếu.

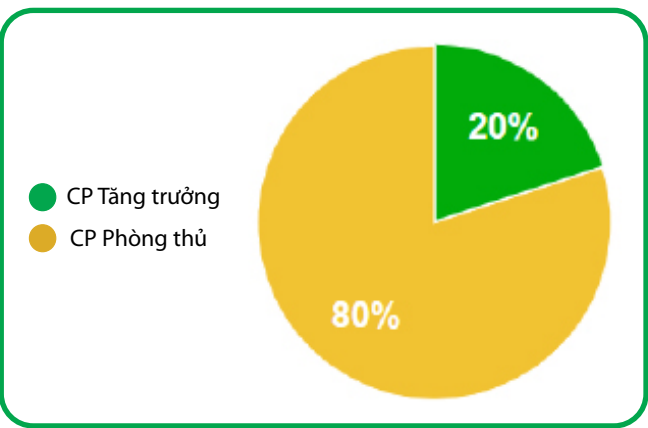
Tỷ suất cổ tức
>7%

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng
8-10%

RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



DANH MỤC THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
DPM	Phòng thủ	Hóa chất - Phân bón	37.0	35.4	4.5%	33.5 - 35	20%	23.3	1.2
KBC	Tăng trưởng	BĐS Khu công nghiệp	40.6	29.35	38.3%	27 - 28.5	20%	53.4	1.1
PLX	Phòng thủ	Dầu khí	44.0	39.9	10.3%	37.5 - 39	20%	17.6	1.7
REE	Phòng thủ	Điện	84.3	66	27.7%	63.5 - 65	20%	15.6	1.4
VCB	Phòng thủ	Ngân hàng	108.1	92.9	16.4%	88 - 91.5	20%	15.3	2.8

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 06/02/2025

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

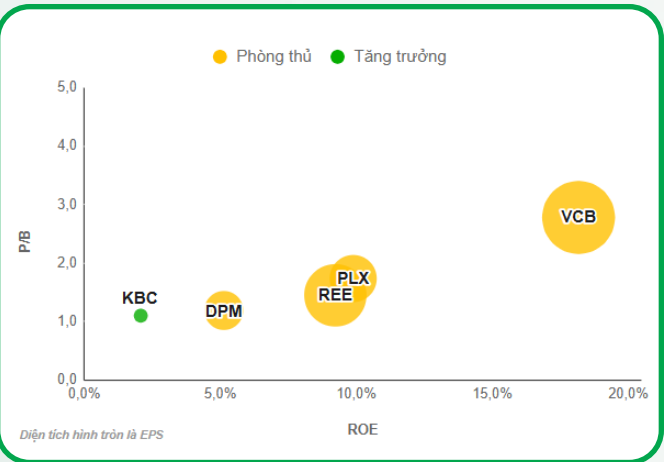
● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

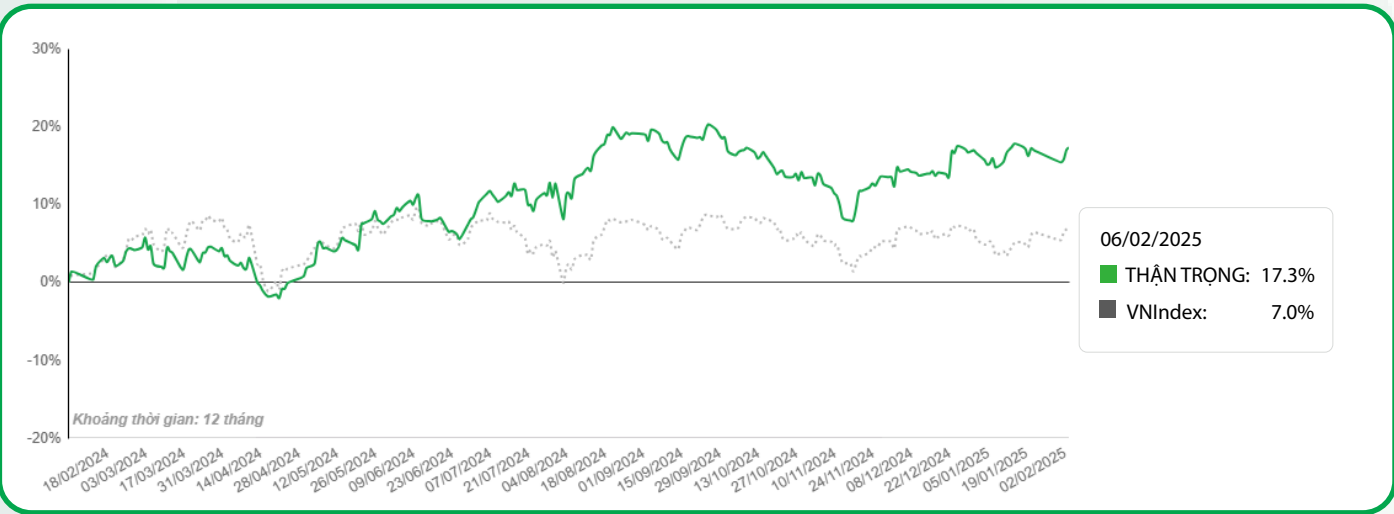
PHÂN BỐ THEO NGÀNH



TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



HIỆU SUẤT DANH MỤC THẬN TRỌNG



DANH SÁCH CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
ACB	Tăng trưởng	Ngân hàng	32.5	25.5	27.5%	24.2 - 25	6.8	1.5	3,759
BMI	-	Bảo hiểm	23.0	20.7	11.1%	20 - 20.8	11.2	1.0	1,843
BWE	-	Nước	52.5	48.1	9.1%	44 - 46	16.5	2.0	2,909
SIP	Tăng trưởng	BĐS Khu công nghiệp	97.0	82.8	17.1%	76 - 80	15.0	3.8	5,525
SZC	Tăng trưởng	BĐS Khu công nghiệp	50.0	43.5	14.9%	40.5 - 42	25.9	2.6	1,678

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 06/02/2025

*Đơn vị: nghìn đồng

DANH MỤC CÂN BẰNG

- ✓ Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư tương đối thận trọng, có mức độ chịu rủi ro TRUNG BÌNH và đầu tư trung/dài hạn và mong muốn tỷ suất sinh lợi tốt hơn lãi suất cố định.
- ✓ Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 10-15%/năm.
- ✓ Danh mục có thể kết hợp 50% cp phòng thủ & 50% cp tăng trưởng.

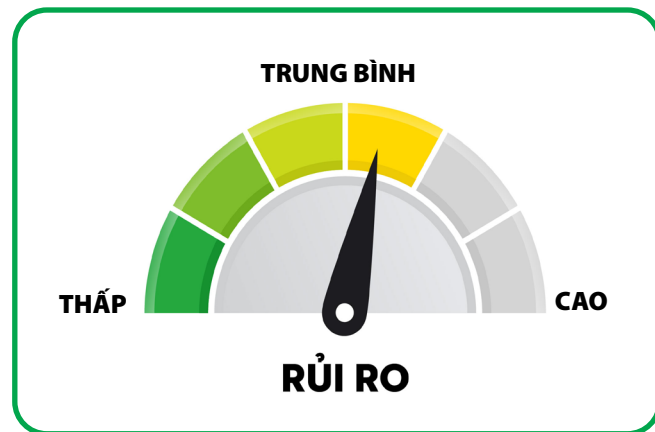
Tỷ suất cổ tức

>5%

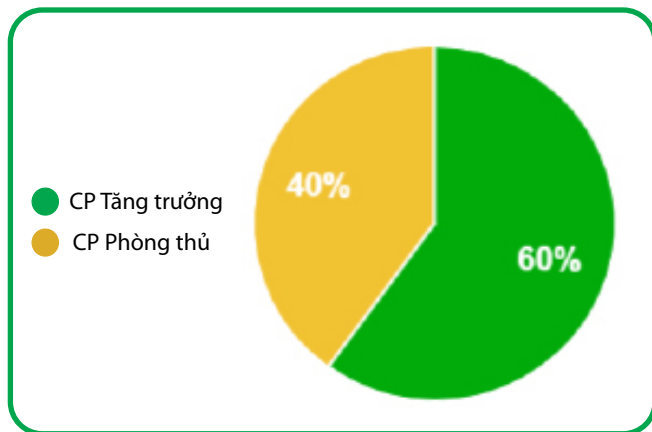
Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

10-15%

RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



DANH MỤC CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
ACB	Phòng thủ	Ngân hàng	32.5	25.5	27.5%	24.2 - 25	20%	6.8	1.5
GMD	Phòng thủ	Cảng - Vận tải	73.1	63	16.0%	60 - 62.5	20%	18.2	2.3
HCM	Tăng trưởng	Chứng khoán	32.5	28.8	12.8%	26.5 - 28	20%	22.0	2.1
HPG	Tăng trưởng	Thép	35.8	26.8	33.6%	25.5 - 26.5	20%	14.3	1.6
PHR	Phòng thủ	BĐS Khu công nghiệp	60.0	52.5	14.3%	50 - 51.5	20%	15.2	1.8

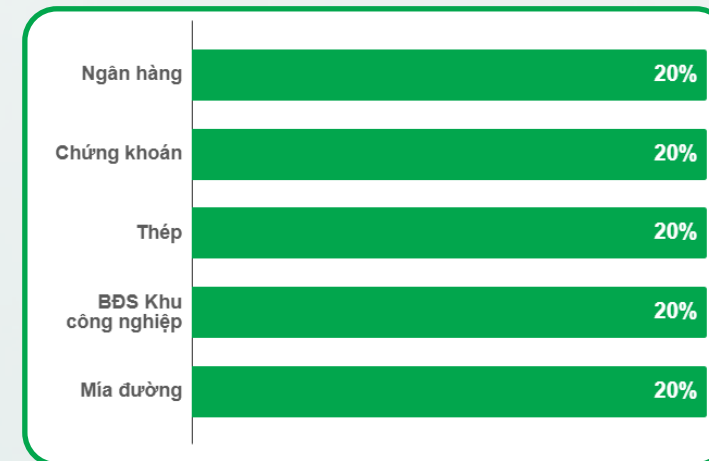
Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

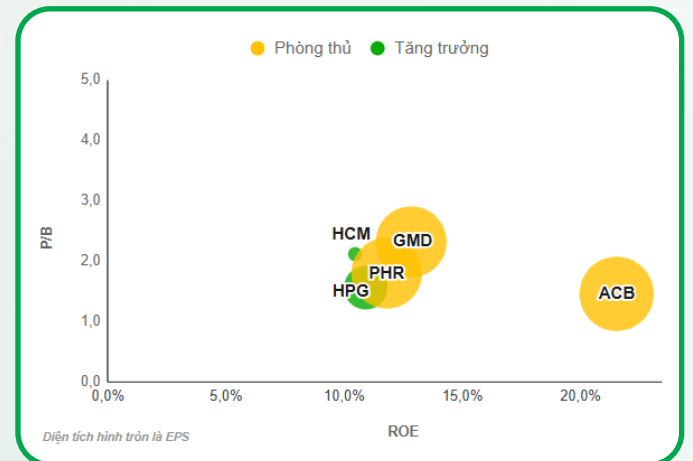
Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 06/02/2025
*Đơn vị: nghìn đồng

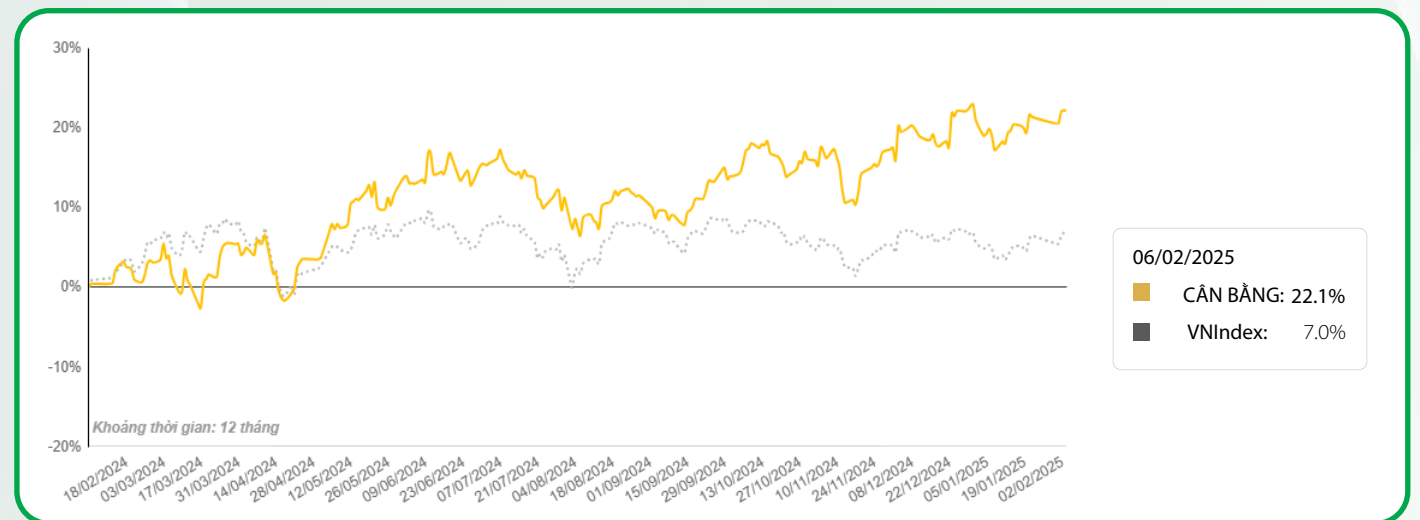
PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



HIỆU SUẤT DANH MỤC CÂN BẰNG



DANH SÁCH CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
CTG	-	Ngân hàng	41.95	39.5	6.2%	37.5 - 39	8.4	1.5	4,719
GAS	Phòng thủ	Dầu khí	72.5	67.6	7.2%	64 - 66.5	15.2	2.4	4,439
LHG	-	BĐS Khu công nghiệp	54.0	35.5	52.1%	34 - 35	9.5	1.1	3,723
MBB	-	Ngân hàng	27.8	22.6	23.0%	21 - 22	6.1	1.3	3,709
TCB	Tăng trưởng	Ngân hàng	26.5	25.2	5.2%	23.5 - 24.5	8.3	1.3	3,046

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 06/02/2025
*Đơn vị: nghìn đồng

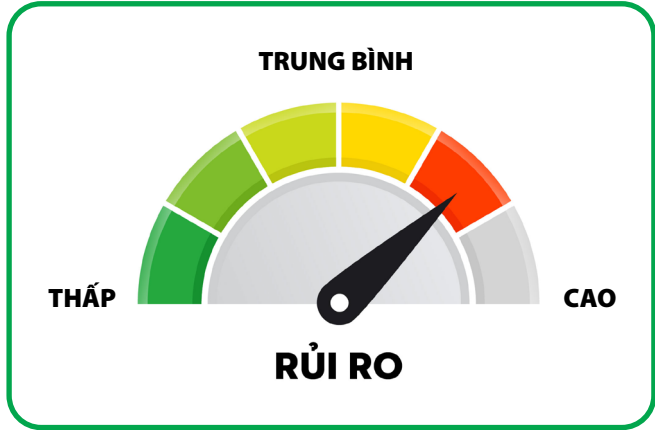
DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

- ✓ Danh mục linh hoạt, tập trung vào cổ phiếu có tính thanh khoản cao và nền tảng doanh nghiệp tốt.
- ✓ Danh mục được xây dựng cho nhà đầu tư năng động, ưa thích các hoạt động giao dịch nhanh và thường xuyên theo dõi biến động thị trường.
- ✓ Khẩu vị rủi ro ở mức cao và kỳ vọng thu lại lợi nhuận vượt trội so với bình quân thị trường, lợi nhuận kỳ vọng 22% - 25%/năm.

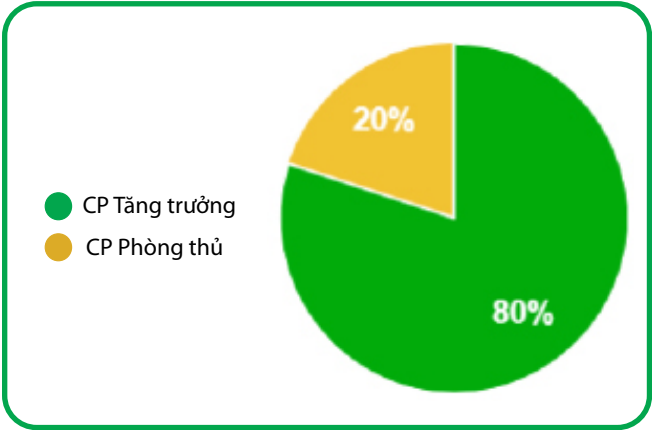
Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

22-25%

RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
ACB	Phòng thủ	Ngân hàng	32.5	25.5	27.5%	24.2 - 25	20%	6.8	1.5
CTD	Tăng trưởng	Xây dựng	100.0	81.9	22.1%	70 - 76	20%	22.6	0.9
HPG	Tăng trưởng	Thép	35.8	26.8	33.6%	25.5 - 26.5	20%	14.3	1.6
KBC	Tăng trưởng	BĐS Khu công nghiệp	40.6	29.35	38.3%	27 - 28.5	20%	53.4	1.1
KDH	Tăng trưởng	BĐS Dân cư	41.3	34.6	19.4%	32.5 - 34	20%	43.2	2.0

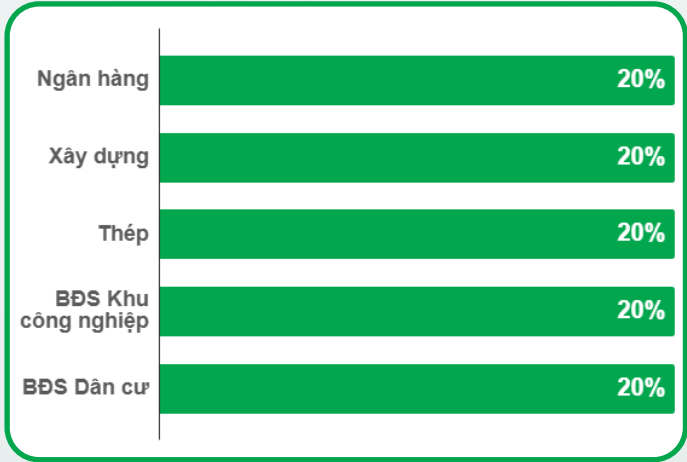
Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

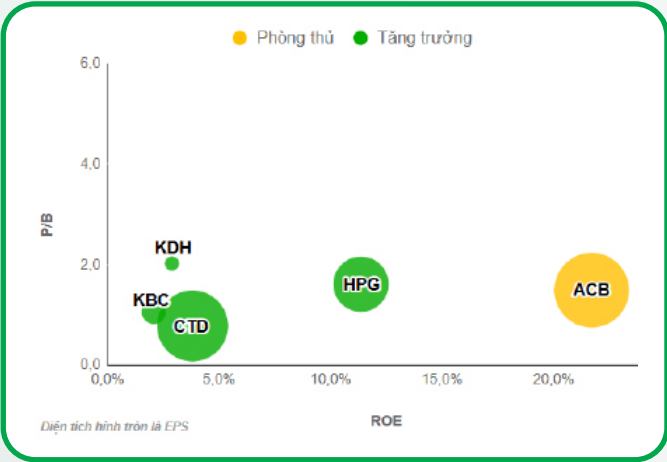
Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 06/02/2025
*Đơn vị: nghìn đồng

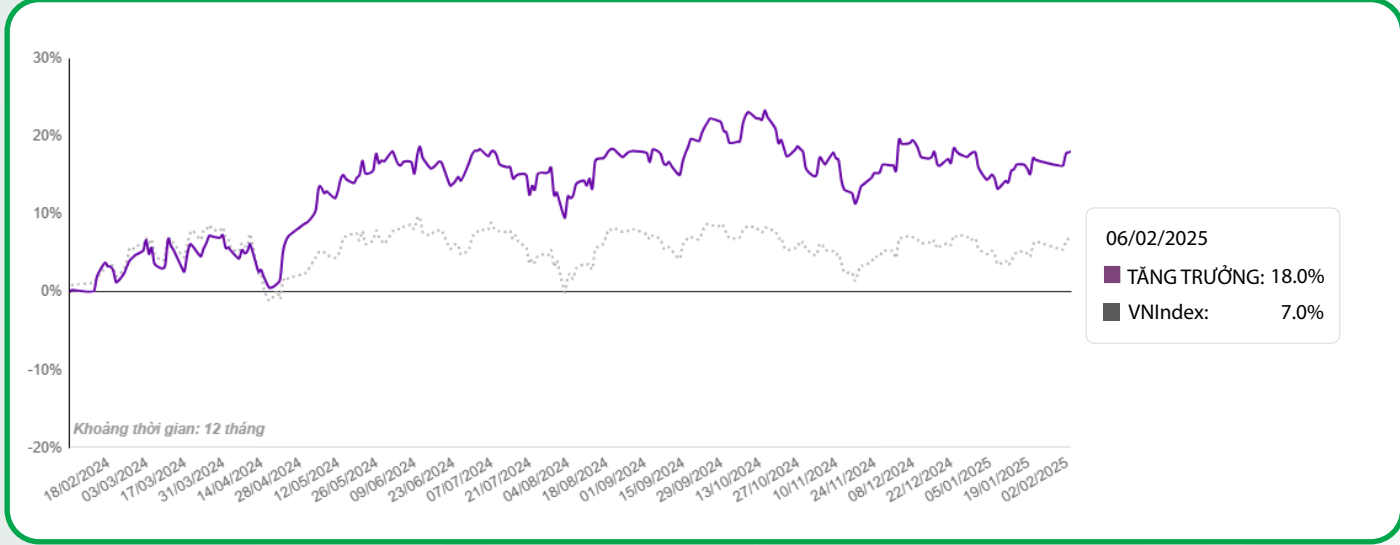
PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



HIỆU SUẤT DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG



DANH SÁCH CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
BSR	-	Dầu khí	24.0	20.5	17.1%	19 - 20	103.9	1.1	197
HAH	Tăng trưởng	Cảng - Vận tải	58.0	54.1	7.2%	48 - 52	10.1	1.8	5,352
HDG	-	BĐS Dân cư	30.9	27.4	12.8%	25 - 26.5	15.7	1.2	1,745
NLG	-	BĐS Dân cư	38.0	34.45	10.3%	32 - 34	25.9	1.0	1,330
PVD	Tăng trưởng	Dầu khí	33.2	23.75	39.8%	21 - 23	19.1	0.8	1,244

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 06/02/2025
*Đơn vị: nghìn đồng

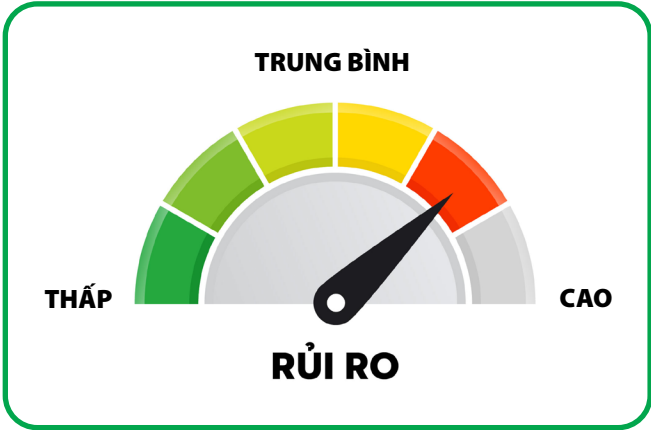
DANH MỤC MIDCAP

- ✓

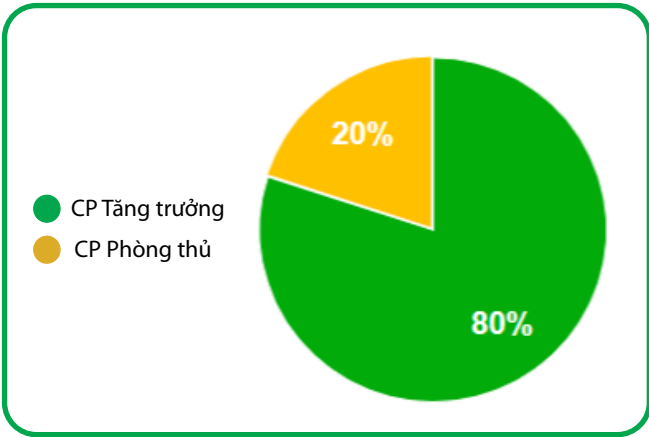
Danh mục đầu tư Midcap tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa vừa, thường có vốn hóa thị trường từ 5,000 – 15,000 tỷ đồng. Các cổ phiếu Midcap có tiềm năng tăng trưởng cao hơn các công ty Largecap vì chúng có nhiều dư địa phát triển hơn. Tuy nhiên, Midcap cũng đi kèm với rủi ro cao hơn Largecap vì các công ty này thường ít ổn định hơn và dễ bị ảnh hưởng bởi biến động thị trường.
- ✓

Midcap là một lựa chọn đầu tư hấp dẫn cho nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao và muốn kiếm lợi nhuận cao

RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



DANH MỤC MIDCAP

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
CTD	●	Xây dựng	100.0	81.9	22.1%	70 - 76	22.56	0.9	3,631
DPM	●	Hóa chất - Phân bón	37.0	35.4	4.5%	33.5 - 35	23.3	1.2	1,518
DXG	●	BĐS Dân cư	17.5	15.2	15.1%	14 - 15	52.4	0.9	290
HDG	●	BĐS Dân cư	30.9	27.4	12.8%	25 - 26.5	15.7	1.2	1,745
HSG	●	Thép	23.0	17.75	29.6%	16.5 - 17.5	19.3	1.0	921
IJC	●	BĐS Dân cư	16.0	14	14.3%	13.2 - 13.8	14.9	1.1	941
PVT	●	Cảng - Vận tải	34.4	26.65	29.1%	25 - 26.3	8.7	1.0	3,072
SCS	●	Hàng không - Du lịch	88.7	80.6	10.0%	76 - 79.5	11.9	5.7	6,787
SZC	●	BĐS Khu công nghiệp	50.0	43.5	14.9%	40.5 - 42	25.9	2.6	1,678
TCH	●	BĐS Dân cư	18.5	15.45	19.7%	14 - 15	9.6	0.8	1,601

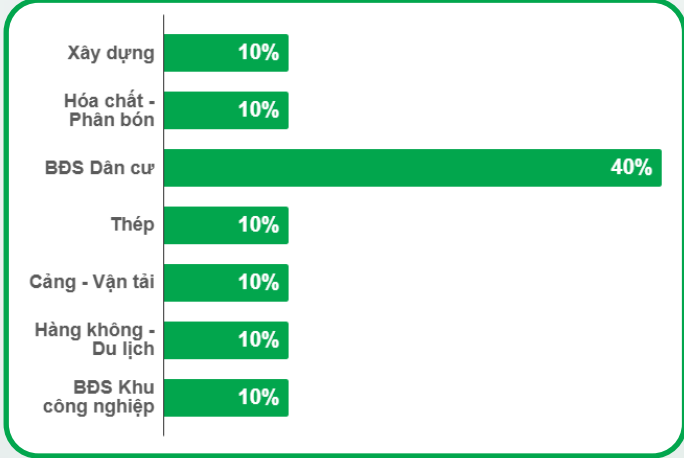
Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng
 ● Cổ phiếu Phòng thủ
 - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 06/02/2025
 *Đơn vị: nghìn đồng

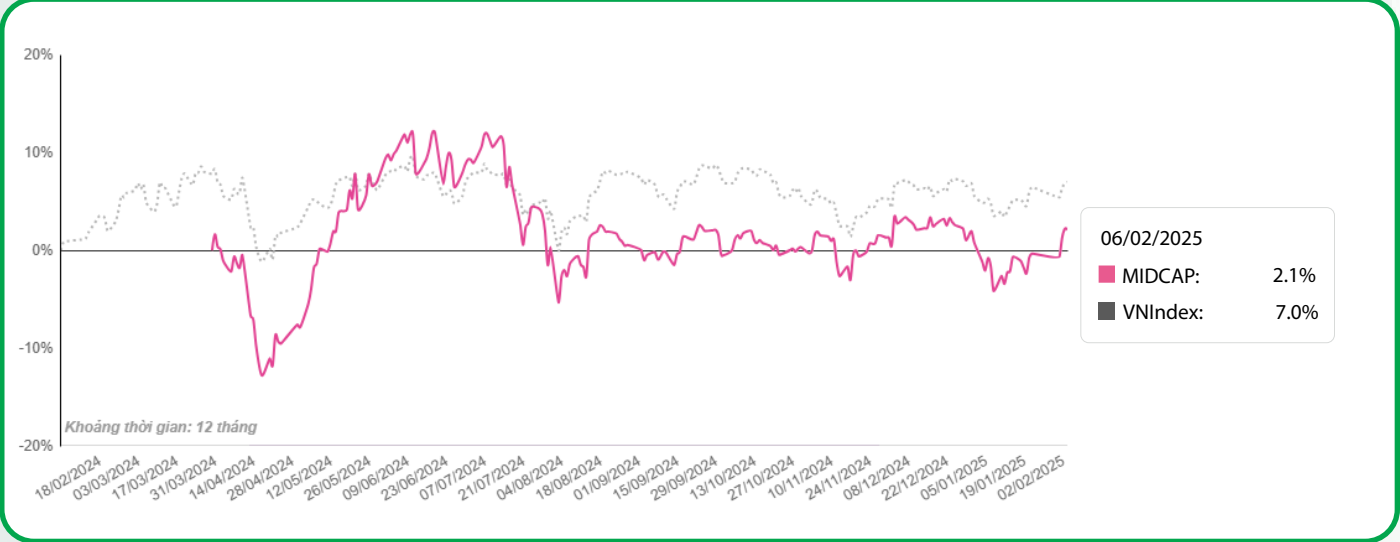
PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



HIỆU SUẤT DANH MỤC MIDCAP



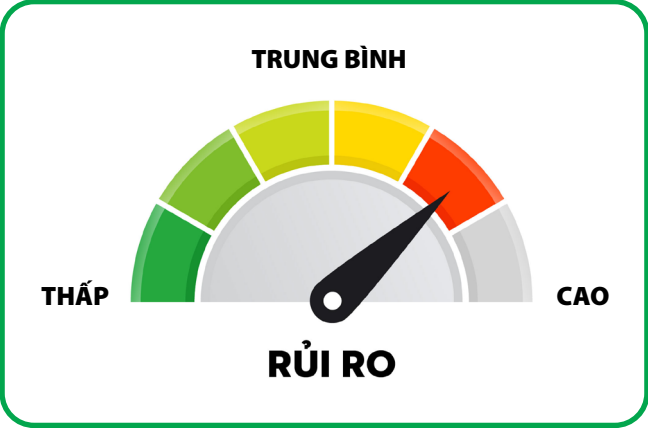
DANH MỤC SMALLCAP

- ✓

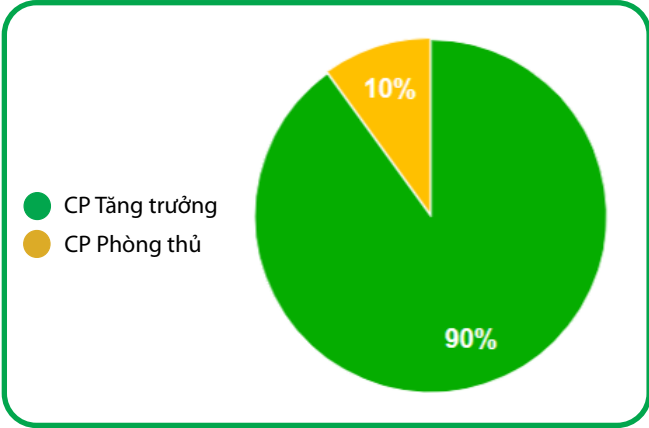
Danh mục đầu tư Smallcap tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa nhỏ, thường có vốn hóa thị trường dưới 5,000 tỷ đồng. Mục tiêu của danh mục nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư vào những "ngôi sao tương lai" giúp nhà đầu tư sớm phát hiện những công ty tiềm năng trước khi chúng trở nên nổi tiếng và tăng giá mạnh.
- ✓

Các cổ phiếu Smallcap thường biến động mạnh hơn so với các cổ phiếu vốn hóa lớn, dễ bị ảnh hưởng bởi biến động thị trường, tin tức. Danh mục phù hợp với nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao, chấp nhận rủi ro cao để kiếm lợi nhuận đột phá.

RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



DANH MỤC SMALLCAP

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
DPG	●	Xây dựng	53.0	46.5	14.0%	44 - 46	13.2	1.2	3,534
DPR	●	BĐS Khu công nghiệp	47.1	41.6	13.2%	39 - 41	12.9	1.1	3,217
DRC	●	Ô tô - Phụ tùng	33.0	28.95	14.0%	27.5 - 28.6	14.8	1.8	1,951
HAH	●	Cảng - Vận tải	58.0	54.1	7.2%	48 - 52	10.1	1.8	5,352
HAX	●	Ô tô - Phụ tùng	19.5	16.95	15.0%	15.5 - 16.5	14.6	1.4	1,163
LHG	●	BĐS Khu công nghiệp	54.0	35.5	52.1%	34 - 35	9.5	1.1	3,723
PVP	●	Cảng - Vận tải	19.5	17.3	12.7%	16 - 16.8	8.5	1.0	2,045
TNG	●	Dệt may	26.7	24	11.3%	22.5 - 23.5	9.4	1.6	2,561
VLB	●	Cát, Đá	46.0	41.9	9.8%	38 - 40	9.0	2.9	4,666
VTO	●	Cảng - Vận tải	17.5	15.1	15.9%	13.8 - 14.5	11.6	1.1	1,307

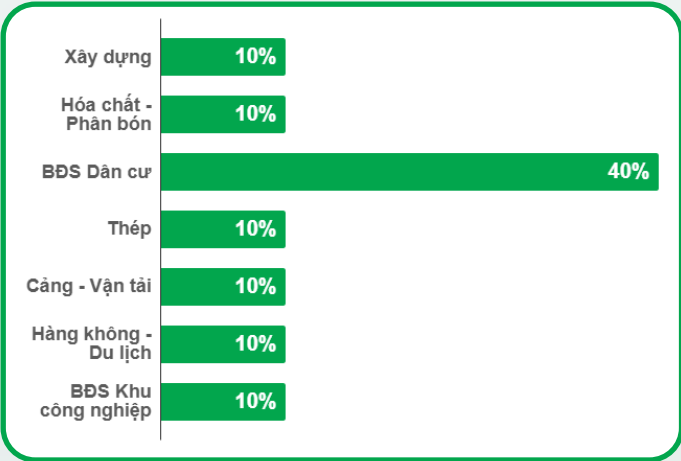
Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

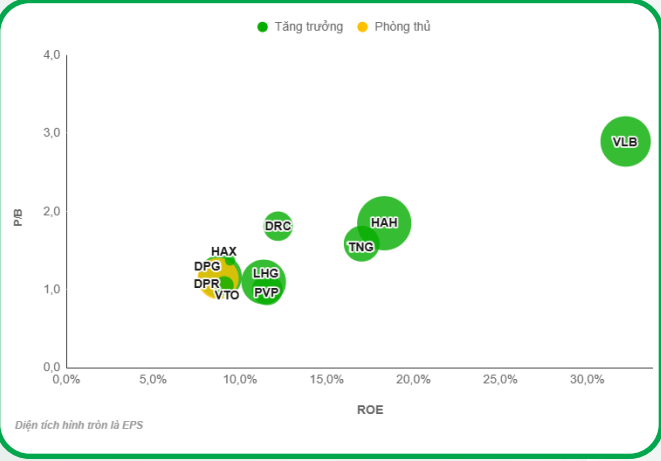
Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 06/02/2025
*Đơn vị: nghìn đồng

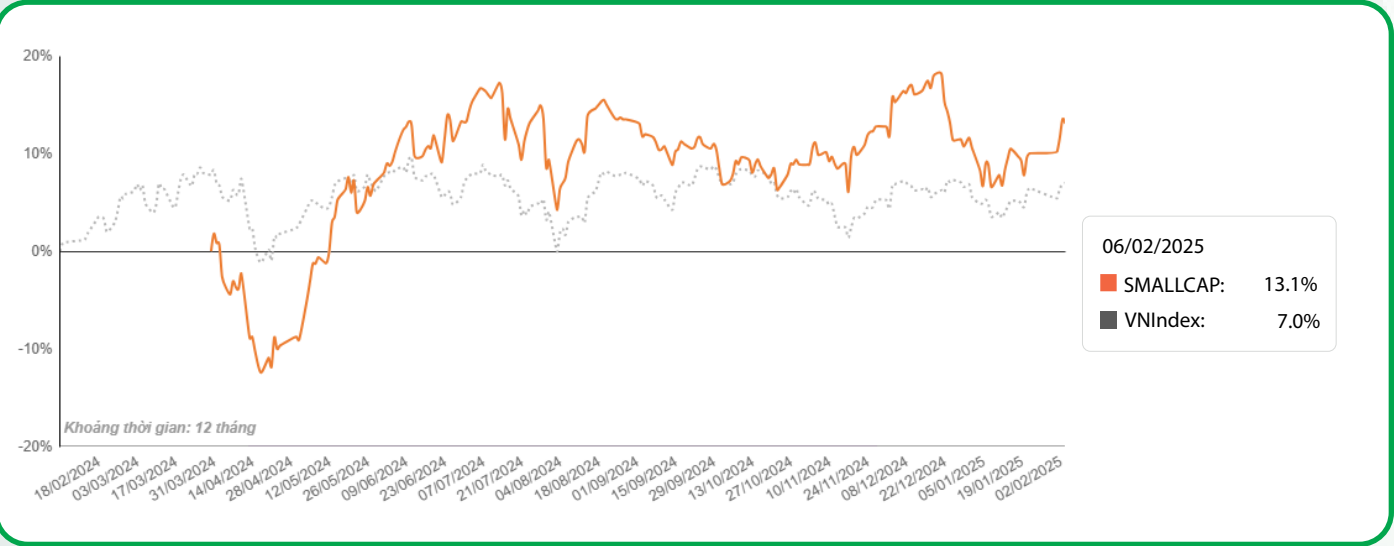
PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



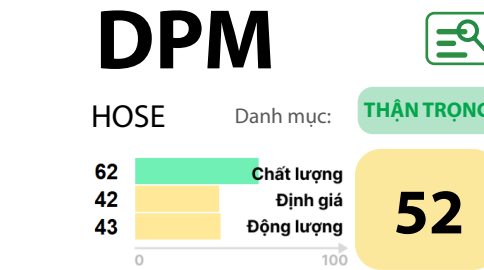
TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



HIỆU SUẤT DANH MỤC SMALLCAP



ĐIỂM NHẤN DOANH NGHIỆP



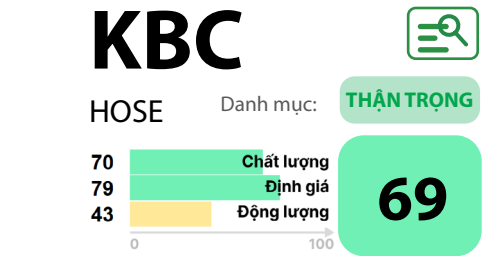
Doanh thu thuần Q4/2024 đạt 3.164 tỷ đồng (-6% YoY) và thấp hơn 6% dự phóng của chúng tôi do giá bán Ure thấp hơn dự phóng. Giá bán Ure Q4/2024 ước giảm 6% YoY trong khi sản lượng tương đương cùng kỳ.

LNST CDM Q4/2024 đạt 36 tỷ đồng (-66% YoY) và thấp hơn nhiều so với dự phóng của chúng tôi tại 201 tỷ đồng do chi phí bán hàng và chi phí quản lý cao hơn dự phóng của chúng tôi khi công ty ghi nhận 50 tỷ chi phí nghiên cứu phát triển (năm ngoái không có khoản mục này).

Giá mục tiêu:	37,000	+/- Doanh thu (Q4/24):	-6.4%
Giá hiện tại:	35,400	+/- LNST (Q4/24):	-66.4%
Lợi nhuận kỳ vọng:	4.5%	EPS:	1,518
Vùng mua:	33,500 - 35,000	ROE:	5.1%

Cho cả năm 2024, doanh thu đạt 13.496 tỷ đồng (-1% YoY) và LNST CDM đạt 594 tỷ đồng (+14% YoY). Doanh thu cả năm thấp hơn dự phóng của chúng tôi 1% nhưng LNST CDM thấp hơn nhiều so với dự phóng của chúng tôi tại 759 tỷ đồng.

"Giá phân bón tăng liên tục gần đây được xem là chất xúc tác cho đà tăng giá cổ phiếu ngành phân bón và DPM."



Doanh thu quý 4 đạt 781 tỷ đồng (-8%YoY,-18%QoQ), chủ yếu đến từ: 1/ 78 tỷ đồng từ cho thuê đất KCN (~2ha tại KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh); 2/488 tỷ đồng từ bàn giao NOXH tại dự án Nếnh. KQKD từ KCN tương đối thấp (do công ty chưa hoàn thành GPMB tại KCN NSHL để có thể bàn giao cho khách hàng) trong khi dự án NOXH có biên LN tương đối thấp (biên GPM ở 11%), do đó LN gộp trong quý 4 đạt 385 tỷ đồng (tương đương so với quý 4/23). LNST-CDM quý 4 đạt 75 tỷ đồng (+7%YoY,-62%QoQ); và cho cả năm 2024, LNST-CDM đạt 426 tỷ đồng (-79%YoY, do không thiếu sản phẩm để bàn giao). Tuy nhiên, với kỳ vọng các điểm nghẽn về pháp lý dần được giải quyết trong 2025, chúng tôi duy trì kỳ vọng tích cực về KQKD của doanh nghiệp trong 2025; hiện LNST-CDM 2025 dự phóng đạt 2.840 tỷ đồng (+567%YoY), và sẽ cập nhật thêm dựa trên cuộc gặp doanh nghiệp trong tháng 2/2025.

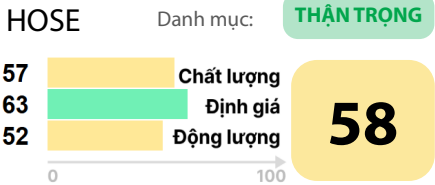
Giá mục tiêu:	40,600	+/- Doanh thu (Q4/24):	-7.7%
Giá hiện tại:	29,350	+/- LNST (Q4/24):	6.5%
Lợi nhuận kỳ vọng:	38.3%	EPS:	550
Vùng mua:	27,000 - 28,500	ROE:	2.1%

Về mặt phát triển dự án, trong tháng 1 công ty đã có chủ trương đầu tư với KCN Trảng Duệ 03 (Hải Phòng, 653ha, đã có ~100ha kí MOU) và KCN Kim Thành 2 (giai đoạn 1, 234ha, vị trí nằm gần KCN TD03, đã có khách hàng quan tâm).

Đối với kế hoạch huy động vốn phát hành riêng lẻ, công ty đã có nghị quyết HĐQT bổ sung thông tin về giá chào bán (giá tối thiểu và tối đa), qua đó là cơ sở để UBCK có thể chấp thuận hồ sơ và tiến hành huy động vốn trong quý 1/2025.

"Tiềm năng trong dài hạn từ Quỹ đất cho thuê lớn tại thị trường cấp I - miền Bắc trong năm 2025 (Nam Sơn Hạp Lĩnh, Trảng Duệ 03, Kim Thành 02...)."

PLX



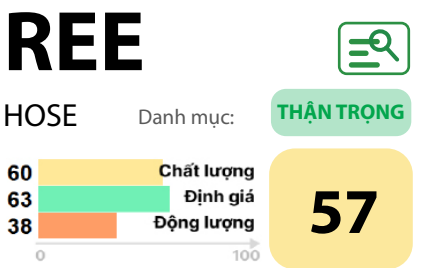
PLX báo cáo KQKD quý 4/2024 với doanh thu đạt 71 nghìn tỷ đồng (+4% YoY), LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo đạt 546 tỷ đồng (-15% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi đạt 415 tỷ đồng (-31% YoY). Tăng trưởng doanh thu được thúc đẩy bởi sản lượng bán tăng 4,8% YoY, bù đắp cho mức giá bán trung bình thấp hơn YoY do giá dầu Brent giảm 11% YoY. Tuy nhiên, LNST sau lợi ích CĐTTS giảm do (1) chi phí SG&A tăng 18% YoY, chủ yếu do chi phí thuê ngoài và các chi phí tiền mặt khác tăng 22% YoY, và (2) thu nhập tài chính ròng giảm 83% YoY, chủ yếu do khoản lỗ chênh lệch tỷ giá thuần trị giá 122 tỷ đồng (so với khoản lãi chênh lệch tỷ giá ròng trị giá 138 tỷ đồng vào quý 4/2023).

Trong cả năm 2024, PLX ghi nhận doanh thu đạt 284 nghìn tỷ đồng (+4% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTTS đạt 2,9 nghìn

Giá mục tiêu:	44,000	+/- Doanh thu (Q4/24):	3.5%
Giá hiện tại:	39,900	+/- LNST (Q4/24):	-14.9%
Lợi nhuận kỳ vọng:	10.3%	EPS:	2,270
Vùng mua:	37,500 - 39,000	ROE:	9.9%

tỷ đồng (+2% YoY). Loại trừ thu nhập một lần từ việc thoái vốn PG Bank, LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi đạt 2,7 nghìn tỷ đồng (+17% YoY). Tăng trưởng này được thúc đẩy bởi (1) sản lượng bán tăng 2,0% YoY và (2) biên lợi nhuận gộp tăng thêm 0,5 điểm phần trăm, được hỗ trợ bởi chi phí kinh doanh định mức cao hơn. Những yếu tố này đã bù đắp cho việc chi phí SG&A tăng 12% YoY và lợi nhuận từ các liên doanh và liên kết giảm 18% YoY.

"LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi tăng 17% YoY nhờ sản lượng bán tăng và biên lợi nhuận cải thiện."



Quý 4/2024: doanh thu đạt 2.336 tỷ đồng (+13% YoY), LNST sau lợi ích CĐTTS đạt 679 tỷ đồng (+35% YoY). Doanh thu tăng YoY trên tất cả các mảng kinh doanh. LNST sau lợi ích CĐTTS tăng YoY chủ yếu nhờ mảng M&E.

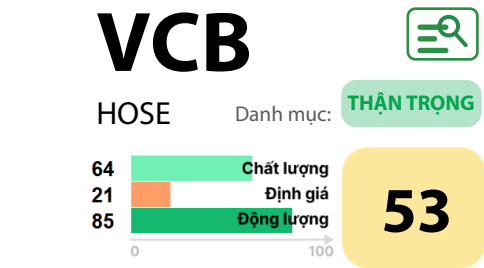
Năm 2024: doanh thu đạt 8,4 nghìn tỷ đồng (-2% YoY), LNST sau lợi ích CĐTTS đạt 1.994 tỷ đồng (-9% YoY). Doanh thu giảm nhẹ YoY do sản lượng điện thương phẩm giảm 12% YoY (doanh thu thủy điện giảm 20% YoY do lượng nước thấp trong nửa đầu năm 2024), ảnh hưởng mức tăng doanh thu ở các mảng khác. LNST sau lợi ích CĐTTS giảm 9% YoY chủ yếu do (1) lợi nhuận từ mảng thủy điện giảm 28% YoY (sản lượng hợp đồng (Qc) không thuận lợi,

Giá mục tiêu:	84,300	+/- Doanh thu (Q4/24):	13.0%
Giá hiện tại:	66,000	+/- LNST (Q4/24):	34.8%
Lợi nhuận kỳ vọng:	27.7%	EPS:	4,234
Vùng mua:	63,500 - 65,000	ROE:	9.2%

ở mức 98%, sản lượng thấp hơn) và (2) lợi nhuận từ mảng cho thuê văn phòng thấp hơn (do chi phí khấu hao từ E-town 6); những yếu tố này ảnh hưởng (3) sự đảo chiều trong KQKD của mảng cơ điện lạnh (M&E) với LNST đạt 150 tỷ đồng sau mức lỗ 9 tỷ đồng vào năm 2023.

Vốn đầu tư XDCB năm 2024 đạt 1,0 nghìn tỷ đồng, tương đương 167% dự báo của chúng tôi do chi tiêu tăng tốc cho nhà máy thủy điện Trà Khúc 2 và trang trại điện gió Duyên Hải 2. Thu nhập cổ tức từ các khoản đầu tư chiến lược đạt 1,3 nghìn tỷ đồng (+23% YoY).

"KQKD vượt trội của mảng M&E và mảng thủy điện hỗ trợ LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2024."



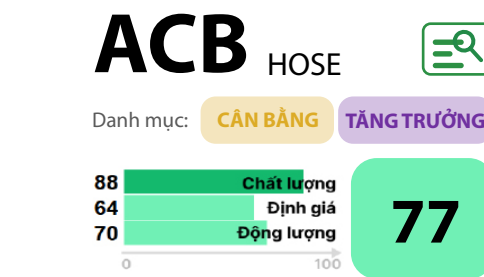
Trong năm 2024, tổng tài sản của VCB tăng 13%, tăng trưởng tín dụng đạt 13,7%. NIM giảm nhẹ còn 3,04% nhưng vẫn đạt kỳ vọng, lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 41,3 nghìn tỷ đồng (+2% YoY). Tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 0,97% nhờ một số khoản nợ xấu được hoàn nhập, tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng lên 223%, cao nhất ngành ngân hàng. Tuy nhiên, do lợi nhuận tăng trưởng thấp, ROAE giảm mạnh xuống 18,5%, lần đầu tiên dưới 20% kể từ năm 2018.

Năm 2025, VCB đặt mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản tối thiểu 10%, tín dụng tối thiểu 16,28%, huy động vốn phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, và kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 1,5%. Lợi nhuận trước thuế dự kiến tăng tối thiểu

5%, tiếp tục duy trì chất lượng tài sản và hiệu quả hoạt động. Đây là kế hoạch thận trọng nhưng khả thi, phù hợp với tình hình kinh tế và mục tiêu ổn định trong dài hạn của ngân hàng.

Nhìn chung, kết quả kinh doanh riêng lẻ năm 2024 thấp hơn không đáng kể so với kỳ vọng và tiếp tục cho thấy khả năng kiểm soát tài sản hiệu quả của VCB. Tuy nhiên, việc thận trọng trong tăng trưởng lợi nhuận khiến ROE có nguy cơ tiếp tục suy giảm, làm giảm sức hấp dẫn cổ phiếu khi định giá ở mức P/B: 2,7x, dù cổ phiếu đang ở vùng vốn hóa thấp của 5 năm.

"Chi phí tín dụng thấp hỗ trợ lợi nhuận; chất lượng tài sản vẫn dẫn đầu."



LNTT 4Q24 đạt 5,7 nghìn tỷ đồng (+12% YoY) và LNTT cả năm đạt 21,0 nghìn tỷ đồng (+5% YoY), phù hợp với dự phóng.

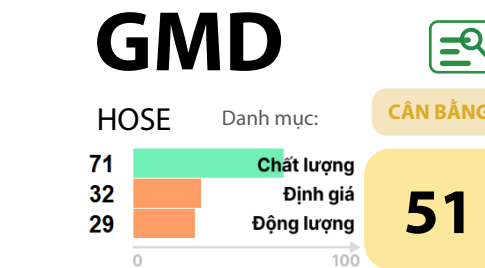
NIM cả năm (3,6%) và tăng trưởng tín dụng (19,1%) không nằm ngoài kỳ vọng. NIM 2024 đã giảm khoảng 30 bps YoY khi một mặt ACB có sự tập trung hơn cho phát triển tín dụng doanh nghiệp lớn và mặt khác đối mặt với sức ép từ cạnh tranh trên thị trường. Qua đó, thu nhập lãi thuần cả năm tăng trưởng ở mức trung bình là 11%.

Do TN lãi thuần không tăng trưởng quá cao và lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư giảm mạnh 77% (năm 2023 ghi nhận lãi cao đột biến), nên Tổng thu nhập hoạt động chỉ đi ngang so với cùng kỳ (+2% YoY). Điều này đã hạn chế

khả năng tăng chi phí tín dụng để cải thiện chất lượng tài sản, và kiểm soát chi phí hoạt động tương đương so với 2023 nhằm tạo tăng trưởng nhẹ cho LNTT (5%).

Do đó, chất lượng tài sản của ACB không có nhiều thay đổi so với 3Q24. Tỷ lệ nợ xấu và bao phủ nợ xấu đi ngang lần lượt ở mức 1,49% và 78%. Nợ nhóm 2 có phần khả quan hơn khi giảm 20% QoQ.

"Mặc dù lợi nhuận đi ngang trong năm 2024, ACB vẫn duy trì ROE ở mức cao là 22%."



LNST-CDM của GMD đạt 235 tỷ đồng (+104% YoY), mặc dù tăng trưởng mạnh nhưng thấp hơn 52% so với dự phóng trước đó của chúng tôi cho KQKD Q4-FY24. Nguyên nhân dẫn đến độ lệch trong dự báo do GMD ghi nhận lỗ ròng khác 334 tỷ đồng, chủ yếu đến từ đánh giá giảm tài sản đầu tư vào các dự án cao su.

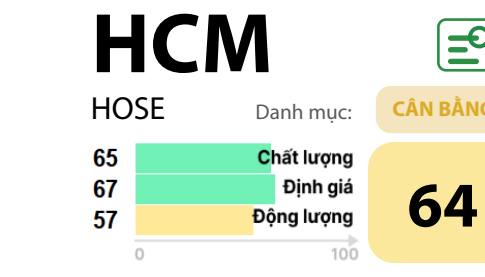
Doanh thu thuần đạt 1.412 tỷ đồng (+14% QoQ, +37% YoY). Doanh thu mảng xếp dỡ container là động lực tăng trưởng chính với sản lượng tăng mạnh chủ yếu ở khu vực Hải Phòng. Hoạt động cảng ghi nhận 1.277 tỷ đồng (+17% QoQ, +55% YoY). Hoạt động Logistic tiếp tục giảm mạnh svck, ghi nhận 135 tỷ đồng (-3% QoQ, -36% YoY).

LN từ JVs tăng trưởng tốt nhờ sản lượng. JVs đóng vai trò

chính vào LNST của GMD, khi chiếm tới 89%, ghi nhận 313 tỷ đồng: GML tiếp tục phá kỷ lục về lợi nhuận, ghi nhận đạt 228 tỷ đồng (+215% YoY). Đồng thời, giá xếp dỡ cũng tăng theo thông tư mới; Lợi nhuận từ SCS là 63 tỷ đồng (+35% YoY).

Lũy kế cả năm 2024, doanh thu và LNTT lần lượt đạt 4.832 tỷ đồng (+26% YoY) và 1.700 tỷ đồng (+31% YoY) (loại trừ lợi nhuận từ thoái vốn tại cảng Nam Hải trong Q1-FY24), tương ứng hoàn thành 122%/106% và 103%/89% dự phóng của chúng tôi.

"LNST-CDM năm 2024 tăng trưởng mạnh (+104YoY) nhờ đóng góp chính của lợi nhuận từ JVs."



Lợi nhuận trước thuế quý 4/2024 của công ty đạt 285 tỷ đồng. Lũy kế cả năm 2024, HSC ghi nhận lợi nhuận đạt 1.296 tỷ đồng, tăng 54% so với năm 2023, hoàn thành 89% kế hoạch.

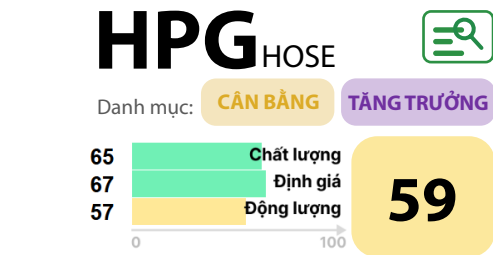
Quý 4/2024, giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường đạt gần 17.000 tỷ đồng, giảm 8% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, HSC ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực với doanh thu quý 4 đạt 888 tỷ đồng, tăng 48% so với cùng kỳ và là quý có doanh thu cao nhất trong 3 năm trở lại đây.

Lũy kế cả năm 2024, doanh thu HSC đạt 3.311 tỷ đồng, hoàn thành 104% kế hoạch, trong đó doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán đạt 848 tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ, hoàn thành 103% kế hoạch. Trong năm 2024,

hoạt động môi giới chứng khoán của HSC ghi nhận kết quả tích cực nhờ thanh khoản thị trường cải thiện so với năm 2023. Giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường tăng 20% từ 17.000 tỷ đồng lên 21.000 tỷ đồng.

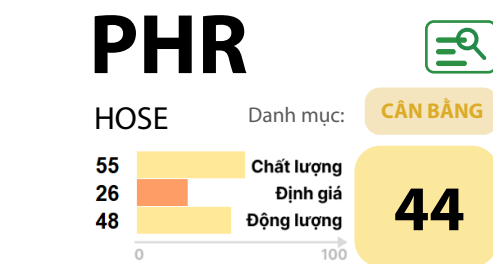
Doanh thu từ hoạt động cho vay ký quỹ đạt 1.714 tỷ đồng, tăng 61% so với cùng kỳ năm 2023, hoàn thành 112% kế hoạch. Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán đạt 666 tỷ đồng, tăng 41% so với cùng kỳ năm 2023, hoàn thành 120% kế hoạch.

"Ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực với lợi nhuận tăng trưởng 54% so với cùng kỳ năm trước."



Doanh thu Q4 đạt 35 nghìn tỷ đồng (tương đương quý 4/23, +3%QoQ) và LNST đạt 2.809 tỷ đồng (-6%YoY, -6%QoQ). Doanh thu và LNST sau thuế sụt giảm nhẹ chủ yếu do sản lượng và giá bán giảm nhẹ 5% so với quý trước, trong khi công ty vẫn duy trì được biên lợi nhuận. Lũy kế 12 tháng, LNST của HPG đạt 12 nghìn tỷ đồng (+76%YoY), phù hợp với kỳ vọng của phòng phân tích.

Về mặt sản lượng trong quý 4: 1/sản lượng thép xd đạt 1,1 triệu tấn (tương đương so với quý 3); 2/ Sản lượng thép HRC đạt 657 nghìn tấn (-11%QoQ). Sản lượng thép xd (với nhu cầu chủ yếu từ hoạt động xây dựng nội địa) vẫn duy trì ở mức cao, trong khi sản lượng HRC giảm do hoạt động xuất khẩu kém tích cực.



PHR đã công bố KQKD quý 4/2024 với doanh thu đạt 626 tỷ đồng (+52% QoQ và +36% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTTS là 233 tỷ đồng (+138% QoQ và +54% YoY). Mức tăng trưởng mạnh trong quý 4/2024 chủ yếu được thúc đẩy bởi diễn biến khả quan của giá bán cao su. Giá bán cao su trung bình quý 4/2024 của PHR vẫn duy trì ở mức trên 50 triệu đồng/tấn, cao hơn so với mức giá bán cao su trung bình năm 2023 là 34,7 triệu đồng/tấn và dự báo cả năm 2024 của chúng tôi là 45,1 triệu đồng/tấn.

Trong năm 2024, doanh thu của PHR đã tăng 21% YoY lên mức 1,6 nghìn tỷ đồng nhưng LNST sau lợi ích CĐTTS của công ty đã giảm 24% YoY xuống mức 469 tỷ đồng, hoàn thành 105% và 138% dự báo của chúng tôi. Sự sụt giảm so với cùng kỳ năm trước của LNST sau lợi ích CĐTTS chủ yếu

Nhìn chung, KQKD của công ty là phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi, qua đó duy trì dự phòng LNST của doanh nghiệp trong 2025 đạt 20 nghìn tỷ đồng (+66%YoY), khi nhà máy DQ 02 đưa vào hoạt động (hỗ trợ bởi việc áp thuế CBPG với HRC từ TQ, dự kiến sẽ có kết quả trong quý 1/25) sẽ là động lực chính.

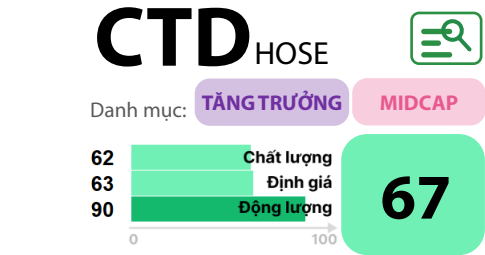
“Động lực tăng trưởng trong năm 2025 đến từ việc nhà máy Dung Quất 2 được đưa vào hoạt động.”

xuất phát từ mức giảm của khoản thu nhập khác từ hoạt động thanh lý cây cao su và bồi thường đất.

Doanh thu của mảng cao su và gỗ đã tăng 36% YoY lên mức 1,5 nghìn tỷ đồng trong năm 2024. Ngoài ra, biên lợi nhuận gộp của mảng này đã tăng 8,2 điểm % lên 22,4%.

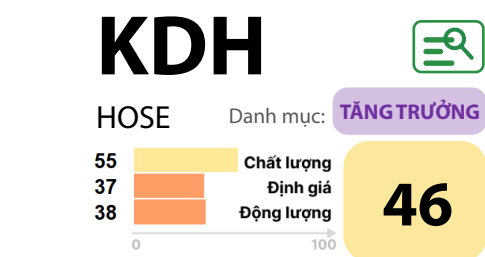
Tổng thu nhập tài chính, thu nhập ròng từ công ty liên kết và thu nhập ròng khác trong năm 2024 là 309 tỷ đồng (-50% YoY). PHR đã ghi nhận khoản thu nhập bồi thường ở mức xấp xỉ 56 tỷ đồng trong quý 4/2024, chủ yếu đến từ khoản bồi thường cho việc bán đất tại KCN VSIP III (PHR được hưởng 20% lợi nhuận từ việc bán đất tại VSIP III như một phần của khoản bồi thường đất của công ty).

“Lợi nhuận Q4/2024 tăng mạnh nhờ KQKD khả quan của mảng cao su.”



CTD tiếp tục ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan trong Q2/2025 với mức doanh thu cao nhất trong 20 quý qua, đạt 6.886 tỷ đồng (+21,7% svck, +44,7% QoQ). Công ty cũng duy trì tốc độ ký mới hợp đồng ấn tượng, với giá trị 16.800 tỷ đồng trong nửa đầu năm. Kết quả này đạt 69% ước tính cả năm là 24.420 tỷ đồng và bằng 76% so với mức 22.000 tỷ đồng cả năm trước.

Biên lợi nhuận gộp giảm, nhưng lợi nhuận trước thuế vẫn tăng trưởng mạnh: Mặc dù doanh thu tăng mạnh, biên lợi nhuận gộp giảm còn 2,9% (so với 4,3% ở Q1/2025 và 3,0% cùng kỳ năm trước). Tuy nhiên, nhờ không còn phải trích lập dự phòng, mà thay vào đó hoàn nhập 1,1 tỷ đồng (so với mức trích lập 53,6 tỷ đồng cùng kỳ), LNTT của CTD tăng mạnh 51,1% YoY và 15,9% QoQ, đạt 135 tỷ đồng.



Trong Q4/2024, KDH ghi nhận doanh thu đạt 2.063 tỷ đồng (+716% QoQ, +336% YoY), chủ yếu từ ghi nhận doanh thu bàn giao dự án The Privia. LNST-CĐM đạt 398 tỷ đồng (+5% QoQ, +539% YoY). Biên lợi nhuận gộp Q4/2024 đạt 44%, như chúng tôi đã dự phóng trước đây do đặc tính của sản phẩm cao tầng có biên lợi nhuận thấp hơn. Tính đến cuối Q4/2024, KDH ước tính đã bàn giao được khoảng 55% tổng số sản phẩm của dự án, thấp hơn so với kỳ vọng của chúng tôi.

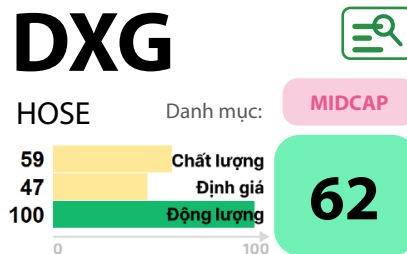
Cho cả năm 2024, tổng doanh thu và LNST-CĐM đạt 3.295 tỷ đồng (+57YoY) và 810 tỷ đồng (+13%YoY). Biên lợi nhuận gộp cho cả năm 2024 ghi nhận giảm so với 2023 như chúng tôi kỳ vọng, đạt mức ~53%.

Với kết quả đạt được trong nửa đầu năm, CTD có nhiều khả năng hoàn thành vượt dự phóng kế hoạch kinh doanh đã đưa ra trước đó (quy mô doanh thu hơn 26,000 tỷ đồng & quy mô lợi nhuận CTD sẽ đạt 450 tỷ đồng).

“CTD ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan trong Q2/2025 với mức doanh thu cao nhất trong 20 quý qua.”

Chúng tôi cho rằng KQKD 1H2025 của KDH sẽ tích cực khi KDH tiếp tục ghi nhận doanh thu từ bàn giao 45% sản phẩm còn lại của dự án The Privia, với tổng giá trị bàn giao ước tính ~1.500 tỷ đồng. Biên lợi nhuận cho 1H2025 dự kiến duy trì ở mức 44% do tiếp tục bàn giao sản phẩm cao tầng, tuy nhiên BLNG cho cả năm 2025 kỳ vọng sẽ có sự cải thiện khi công ty bắt đầu bàn giao cụm dự án thấp tầng (Clarita và Emeria). Do đó, dự phóng doanh thu và LNST-CĐM của KDH cho năm 2025 ước tính sẽ tăng so với dự phóng trước đây của chúng tôi.

“Bàn giao tại dự án The Privia trong quý 4/2024 thúc đẩy lợi nhuận tăng trưởng.”



DXG công bố KQKD quý 4/2024 với doanh thu đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (+9.2% YoY và +51% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTTS đạt 158 tỷ đồng (+2.3 lần YoY và +5,1 lần QoQ), chủ yếu nhờ việc bàn giao khoảng 150 sản phẩm thấp tầng tại Gem Sky World (GSW)

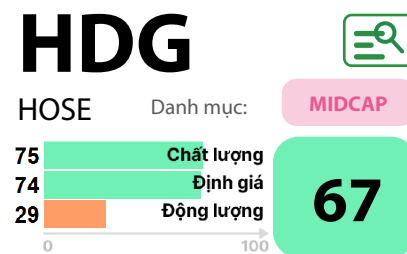
Doanh thu và LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2024 đạt 4,7 nghìn tỷ đồng (+27% YoY) và 253 tỷ đồng (+47% YoY), lần lượt hoàn thành 114% và 199% dự báo của chúng tôi. Chúng tôi cho rằng LNST sau lợi ích CĐTTS của DXG đạt mức cao hơn dự kiến là do mức đóng góp doanh thu và bàn giao cao hơn dự kiến tại dự án GSW.

Gem Sky World (4.000 căn thấp tầng; 92 ha tại Đồng Nai): Hiện còn 1.600 căn hộ chưa bán. Doanh số đã bán nhưng

chưa ghi nhận là khoảng 600 căn, với dự kiến khoảng 250-300 căn sẽ được DXG ghi nhận trong năm 2025. Ngoài ra, DXG đặt mục tiêu sẽ mở bán khoảng 700-800 căn hộ trong năm 2025, trong đó khoảng 500 căn đất nền và khoảng 200-300 căn nhà phố.

Gem Riverside (4,3 ha, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM): DXG đã nhận được giấy phép xây dựng vào tháng 9/2024 và hiện đang chuẩn bị khởi công xây dựng đối với dự án này. Hiện tại, chúng tôi dự kiến việc mở bán tại dự án này sẽ bắt đầu vào năm 2025 và việc bàn giao sẽ bắt đầu vào năm 2027.

“Bàn giao các căn nhà đã bán trước tại Gem Sky World thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận Q4.”

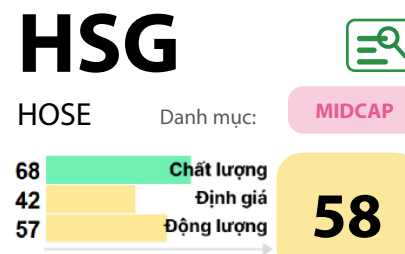


Quý 4/2024: doanh thu đạt 755 tỷ đồng (-12% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTTS đạt 154 tỷ đồng (-47% YoY). Doanh thu giảm 12% YoY chủ yếu do doanh số bất động sản giảm 85% YoY, ảnh hưởng việc doanh thu từ mảng năng lượng cao hơn 6% YoY (đến từ tăng trưởng sản lượng bán/giá bán trung bình ước tính tăng 3%/2% YoY). LNST sau lợi ích CĐTTS giảm 47% YoY do (1) lợi nhuận gộp giảm 6% YoY và (2) chi phí G&A cao hơn 4,7 lần YoY (do chi phí dự phòng ước tính đạt 184 tỷ đồng cho trang trại điện mặt trời Hồng Phong 4 (HP4) do biểu giá điện ưu đãi (FiT) từ EVN có khả năng thấp hơn), ảnh hưởng (3) chi phí tài chính thấp hơn 59% YoY.

Năm 2024: doanh thu đạt 2.719 tỷ đồng (-6% YoY, tương đương 98% dự báo cả năm và phù hợp với kỳ vọng của

chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTTS đạt 577 tỷ đồng (-13% YoY, tương đương 98% dự báo cả năm và phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi). Doanh thu tăng YoY chủ yếu do doanh số bất động sản tăng 47% YoY, nhờ ghi nhận 34 sản phẩm đã bán tại dự án Charm Villa giai đoạn 2. LNST sau lợi ích CĐTTS giảm 13% YoY, phù hợp với dự báo của chúng tôi, chủ yếu do chi phí G&A tăng 61% YoY (do 203 tỷ đồng chi phí dự phòng được ghi nhận cho HP4, theo HDG, tương đương khoảng 50% tổng chi phí dự phòng cần thiết ước tính của chúng tôi là khoảng 400 tỷ đồng). Con số này có tác động lớn hơn việc chi phí tài chính giảm 36% YoY.

“Chi phí dự phòng liên quan đến Hồng Phong 4 ảnh hưởng đến lợi nhuận Q4/2024.”



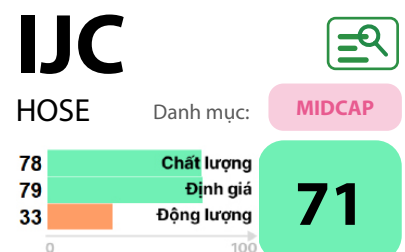
Doanh thu và lợi nhuận gộp quý 1 NĐTC 2025 đạt 10.222 tỷ đồng (+13% YoY, +24%QoQ) và 1.205 tỷ đồng (+8%YoY, +42%QoQ), khi biên LN cải thiện về 12% (so với việc biên GPM giảm về 8.4% trong các quý trước), khi công ty không còn trích lập hàng tồn kho.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tiếp tục duy trì ở mức cao và đạt 992 tỷ đồng (tỷ lệ SG&A/doanh thu đạt 10%), qua đó LNST của doanh nghiệp trong quý 1 đạt 166 tỷ đồng (+61%YoY, cải thiện so với lỗ ròng trong quý 4 NĐTC). Về sản lượng bán hàng, trong quý 1, tổng lượng tôn mạ bán ra đạt 395k tấn (tương đương quý trước), sản lượng ống thép đạt 104 nghìn tấn (+4% QoQ), khi thị

trường nội địa bù đắp cho thị trường xuất khẩu (tỷ trọng nội địa đạt 48% tổng sản lượng).

KQKD của công ty phù hợp kì vọng, khi công ty không còn trích lập hàng tồn kho trong quý 1NĐTC 2025, qua đó duy trì kỳ vọng LNST NĐTC 2025 đạt 838 tỷ đồng (+64%YoY).

“Kết quả doanh thu đi ngang so với quý trước do sản lượng bán hàng và giá bán trung bình vẫn giữ ở mức ổn định”



Doanh thu quý 4/2024 đạt 306,28 tỷ đồng, tăng 28,5% so với cùng kỳ, trong khi lợi nhuận sau thuế đạt 156,11 tỷ đồng, tăng 105,3%. Biên lợi nhuận gộp giảm từ 60,8% xuống còn 47,9%.

Lợi nhuận gộp trong kỳ tăng nhẹ 1,3% so với cùng kỳ, tương đương với mức tăng 1,87 tỷ đồng, đạt 146,65 tỷ đồng. Chi phí tài chính giảm 24%, tương ứng giảm 6,35 tỷ đồng, xuống còn 20,14 tỷ đồng. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng 5,4%, tăng thêm 1,49 tỷ đồng, lên 28,84 tỷ đồng. Lãi từ công ty liên doanh, liên kết ghi nhận 76,82 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ không có ghi nhận. Các hoạt động khác thay đổi không đáng kể.

Xét về hoạt động kinh doanh cốt lõi (lợi nhuận gộp – chi phí tài chính – chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp),,

Giá mục tiêu:	16,000
Giá hiện tại:	14,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	14.3%
Vùng mua:	13,200 - 13,800

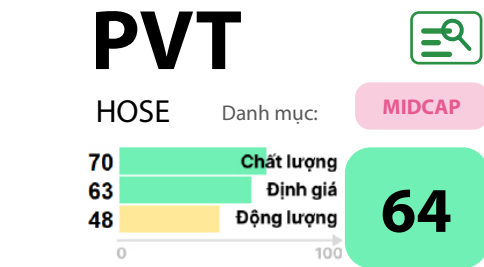
+/- Doanh thu (Q4/24):	28.5%
+/- LNST (Q4/24):	105.3%
EPS:	941
ROE:	7.2%

IJC ghi nhận lãi cốt lõi tăng nhẹ 7,4% so với cùng kỳ, tương ứng tăng thêm 6,73 tỷ đồng, lên 97,67 tỷ đồng. Như vậy, trong quý IV, lợi nhuận cốt lõi tăng nhẹ nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn tăng mạnh.

Lũy kế trong năm 2024, Becamex IJC ghi nhận doanh thu đạt 1.020,64 tỷ đồng, giảm 31,7% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 355,5 tỷ đồng, giảm 10% so với cùng kỳ năm trước.

“Triển vọng năm 2025 đến từ các dự án Sun-flower II và IJC Hòa Lợi, bên cạnh việc mở bán dự án Prince Town II”





Giá mục tiêu:	34,400	+/- Doanh thu (Q4/24):	21.6%
Giá hiện tại:	26,650	+/- LNST (Q4/24):	-8.6%
Lợi nhuận kỳ vọng:	29.1%	EPS:	3,072
Vùng mua:	25,000 - 26,300	ROE:	11.1%

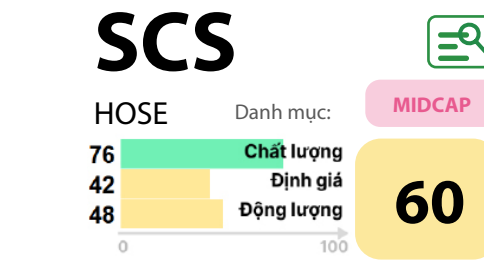
PVT công bố KQKD Q4/2024 với doanh thu ghi nhận đạt 3,3 nghìn tỷ đồng (+22% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 210 tỷ đồng (-8.6% YoY). Nhìn chung, doanh thu của doanh nghiệp tăng trưởng mạnh nhờ đóng góp từ 8 tàu mới mua trong năm 2024 (tổng trọng tải của đội tàu tăng hơn 20% YoY) mặc dù giá cước tàu có ghi nhận giảm trong kỳ.

Trong cả năm 2024, PVT ghi nhận doanh thu đạt 11,8 nghìn tỷ đồng (+24% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 1,1 nghìn tỷ đồng (+13% YoY). KQKD của PVT tăng trưởng nhờ vào (1) giá cước tàu bình quân cao hơn trong năm 2024, tăng trưởng từ 3 - 11% svck tùy phân khúc; (2) Đóng góp tích cực từ 8 tàu mới và (3) ghi nhận khoản thu nhập

khác 154 tỷ đồng từ thanh lý tàu Synergy trong kỳ.

KQKD của PVT tương đương với 98% và 90% dự báo doanh thu và LNST sau lợi ích CĐTS của chúng tôi. LNST sau lợi ích CĐTS thấp hơn một chút so với kỳ vọng chủ yếu do chi phí SG&A cao hơn dự kiến.

“Doanh thu Q4/2024 tăng trưởng mạnh nhờ đóng góp từ 8 tàu mới mua trong năm 2024.”



Giá mục tiêu:	88,700	+/- Doanh thu (Q4/24):	47.9%
Giá hiện tại:	80,600	+/- LNST (Q4/24):	32.6%
Lợi nhuận kỳ vọng:	10.0%	EPS:	6,787
Vùng mua:	76,000 - 79,500	ROE:	47.8%

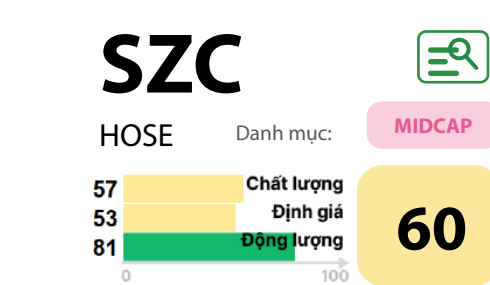
LNST Q4/2024 của SCS đạt 170 tỷ đồng (+33% YoY), phù hợp với dự phóng trước đó của chúng tôi cho KQKD Q4-FY24. Doanh thu thuần đạt 294 tỷ đồng (+11% QoQ, +48% YoY). Doanh thu duy trì tăng trưởng hai chữ số tốt nhờ sản lượng hàng hóa nhưng đã giảm tốc so với quý trước. Doanh thu tài chính: đạt 15 tỷ đồng (-20% YoY) do lãi suất tiền gửi trung bình giảm 60 bps YoY. Ghi nhận Chi phí khác là 81 tỷ đồng liên quan đến dự phòng cho các khoản đầu tư không hiệu quả từ dự án cao su. Loại trừ khoản chi phí không bằng tiền thì NPATMI của GMD đạt 410 tỷ đồng (+61% YoY).

Lũy kế cả năm 2024: Sản lượng: Sản lượng quốc tế và nội địa lần lượt đạt 205 nghìn tấn (+52% YoY) và 62 nghìn tấn (+18% YoY), tương ứng hoàn thành 108%/107% kế

hoạch năm và 102%/107% dự phóng. Doanh thu thuần: đạt 1.035 tỷ đồng (+42% YoY), hoàn thành 107% kế hoạch năm và 104% dự phóng. Lợi nhuận trước thuế: đạt 783 tỷ đồng (+38% YoY), hoàn thành 115% kế hoạch năm và 100% dự phóng.

KQKD cho Q4-FY24 và cả năm 2024 của SCS phù hợp với dự phóng trước đó của chúng tôi. Tốc độ tăng trưởng cho năm 2025 dự báo sẽ trở về mức bình thường hóa do không còn hiệu ứng nền thấp, khi SCS chưa có thêm khách hàng mới.

“Kết quả lựa chọn đơn vị quản lý vận hành nhà ga hàng hóa tại sân bay Long Thành trong Q1/2025 là yếu tố ảnh hưởng lớn đến triển vọng dài hạn của SCS.”



Giá mục tiêu:	50,000	+/- Doanh thu (Q4/24):	-11.1%
Giá hiện tại:	43,500	+/- LNST (Q4/24):	34.1%
Lợi nhuận kỳ vọng:	14.9%	EPS:	1,678
Vùng mua:	40,500 - 42,000	ROE:	10.0%

SZC công bố KQKD quý 4/2024 với doanh thu đạt 230 tỷ đồng (-11% so với cùng kỳ năm trước (YoY) nhưng tăng 39% so với quý trước (QoQ)) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 75 tỷ đồng (+34% YoY và +26% QoQ). KQKD quý 4/2024 chủ yếu đến từ việc bàn giao đất KCN theo kế hoạch, bao gồm bàn giao 7,5 ha đất KCN cho Steel Builder.

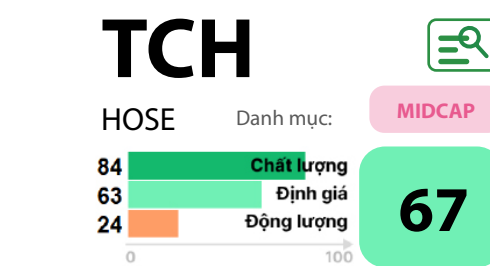
Trong năm 2024, doanh thu của SZC tăng 6% YoY đạt 871 tỷ đồng, trong khi LNST sau lợi ích CĐTS tăng mạnh 38% YoY đạt 302 tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 94% và 100% dự báo của chúng tôi. KQKD năm 2024 tương ứng 98% doanh thu và 120% LNST sơ bộ mà công ty đã công bố vào đầu tháng 1.

Đối với mảng khu công nghiệp (KCN), doanh thu năm

2024 tăng 12% YoY đạt 765 tỷ đồng, trong khi biên lợi nhuận gộp tăng từ 54,4% vào năm 2023 lên 61,0%. Đối với mảng khu đô thị (KĐT), doanh thu năm 2024 giảm 57% YoY xuống còn 31 tỷ đồng.

Tính đến cuối năm 2024, SZC ghi nhận tổng doanh thu chưa thực hiện và người mua trả tiền trước đạt 983 tỷ đồng (+43% YoY nhưng -5% QoQ). Đáng chú ý, các khoản người mua trả tiền trước bao gồm 374 tỷ đồng từ Tripod (hợp đồng 18 ha) và 134 tỷ đồng từ Vina One Steel (hợp đồng 12 ha).

“Bàn giao đất KCN theo kế hoạch thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận 2024”



Giá mục tiêu:	18,500	+/- Doanh thu (Q4/24):	-3.2%
Giá hiện tại:	15,450	+/- LNST (Q4/24):	13.6%
Lợi nhuận kỳ vọng:	19.7%	EPS:	1,601
Vùng mua:	14,000 - 15,000	ROE:	8.4%

Trong Q3 NGTC (1/4/2024 - 1/4/2025), TCH ghi nhận kết quả kinh doanh thuận lợi từ việc bán sản phẩm từ dự án Hoàng Huy New city và Hoàng Huy commerce (tòa H1) và mảng kinh doanh ô tô của tập đoàn đã giúp ghi nhận doanh thu hợp nhất hơn 1.560 tỷ đồng, giảm nhẹ khoảng 50 tỷ đồng so với cùng kỳ.

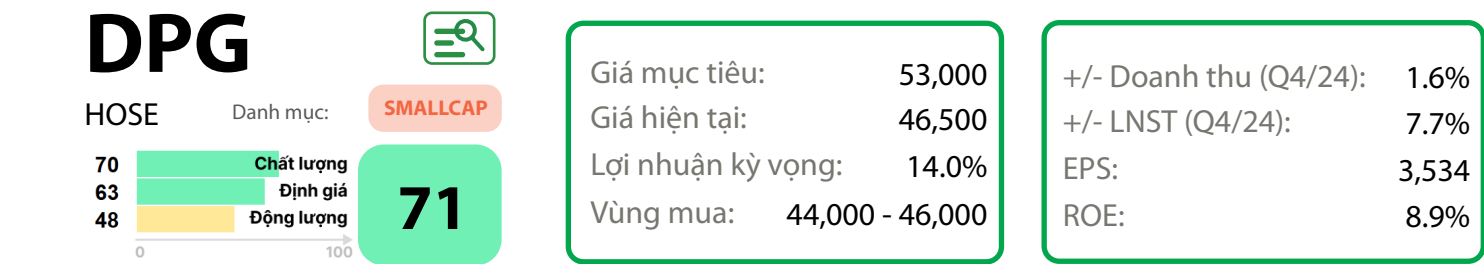
Lợi nhuận sau thuế giảm hơn 17% so với cùng kỳ. Lý giải về nguyên nhân sụt giảm công ty này cho biết, trong kỳ đơn vị đang đầu tư nhiều dự án lớn nên doanh thu tài chính sụt giảm và chỉ ghi nhận hơn 32,75 tỷ đồng, giảm 86,74 tỷ đồng so với cùng kỳ.

Kết thúc 9 tháng đầu niên độ, TCH ghi nhận doanh thu lũy

kế hợp nhất hơn 3.808 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 867 tỷ đồng, tăng lần lượt 74,36% và 19,30% so với cùng kỳ năm trước.

TCH hiện có tổng tài sản lên tới hơn 15.348 tỷ đồng. Trong đó, khoản mục chiếm tỉ trọng lớn nhất, hơn 50% là hàng tồn kho với hơn 8.694 tỷ đồng... chủ yếu tại các dự án như: dự án Hoàng Huy new city II là hơn 5.087 tỷ đồng, dự án Hoàng Huy Green river 1.744 tỷ đồng, dự án Hoang Huy Commerce hơn 1.100 tỷ đồng...

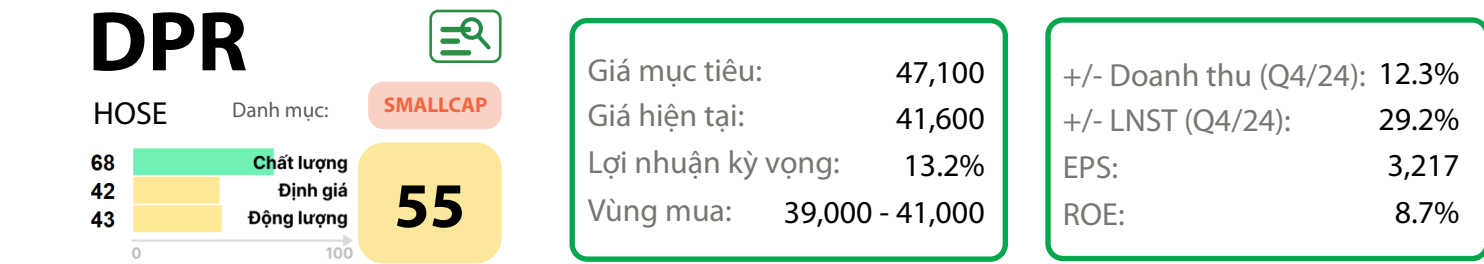
“KQKD tích cực nhờ việc bán sản phẩm từ dự án Hoàng Huy New city, Hoàng Huy commerce và mảng kinh doanh ô tô thuận lợi.”



Doanh thu thuần Q4/2024 đạt 1.446 tỷ đồng, tăng 23 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, do giá vốn tăng nhanh hơn doanh thu nên lợi nhuận gộp giảm 6%, còn 204 tỷ đồng.

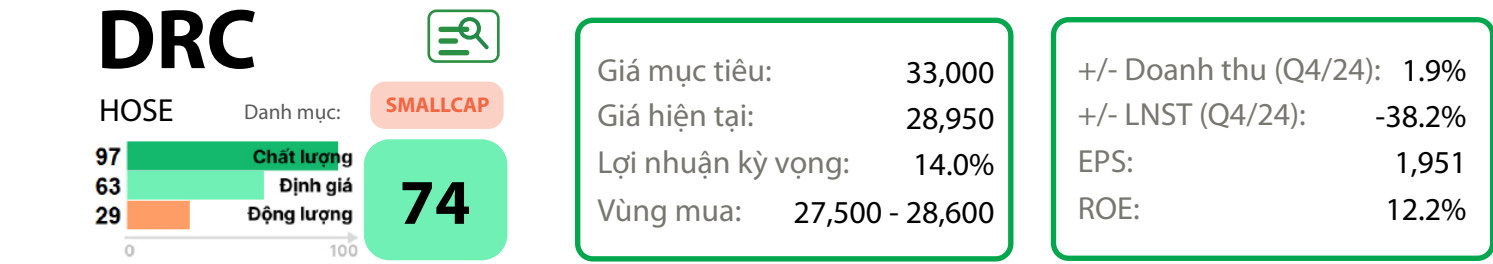
Trong kỳ, công ty đã tiết giảm đáng kể các loại chi phí như: chi phí tài chính giảm 49%; chi phí bán hàng giảm 91%; chi phí quản lý giảm 10%. Nhờ vậy, công ty có lãi trước thuế 146 tỷ đồng, tăng 10% và lãi sau thuế 130 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế cả năm 2024, DPG đạt doanh thu thuần 3.577 tỷ đồng, tăng nhẹ so với thực hiện năm 2023. Cơ cấu doanh thu ghi nhận sự sụt giảm của mảng bán điện thương



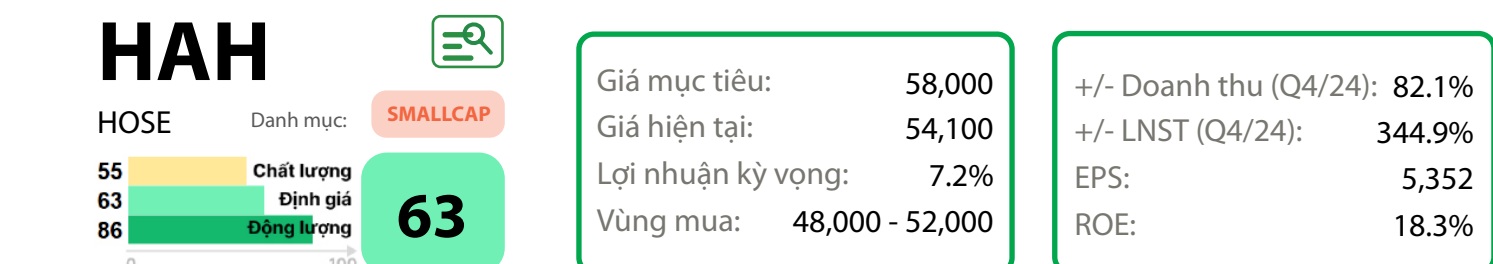
Trong tháng 12, tổng sản lượng cao su ghi nhận 1.460 tấn (-9%MoM) với 1.405 tấn tự khai thác và 56 tấn từ thu mua; giá bán cao su tháng 12 ghi nhận 55,2 triệu đồng/tấn (+ 14,7MoM, +59% YoY). Lũy kế 12 tháng, tổng sản lượng cao su đạt 12.483 tấn, bao gồm 11.179 tấn tự khai thác (đạt 102% kế hoạch) và 748 tấn thu mua (đạt 25% kế hoạch), với giá bán cao su bình quân đạt 48 triệu đồng/tấn (+38,7%YoY). Cho năm 2025, chúng tôi tăng kỳ vọng giá cao su bình quân tăng lên 53 triệu đồng/tấn (+10,4%YoY).

Cho cả năm 2024, doanh thu và LNST cổ đông mẹ của DPR lần lượt đạt 1.225 tỷ đồng (+20%YoY) và 279 tỷ đồng (+36%YoY), đến từ kết quả kinh doanh tích cực của mảng cao su. Chúng tôi ước tính doanh thu và LNST-CDM của



Doanh thu thuần đạt 1.118 tỷ đồng (-8,2% QoQ, +1,9% YoY), thấp hơn 7% so với kế hoạch của DRC và dự phóng chuyên viên, chủ yếu do sản lượng tiêu thụ xuất khẩu của lớp TBR (Bias & Radial) và bán thép đều thất vọng (-30%, -10% & -75% QoQ lần lượt). Điểm tích cực nhất đến từ sự hồi phục sản lượng tiêu thụ nội địa (bias, radial lần lượt đạt 60%, 28% QoQ), giúp ngăn chặn đà giảm doanh thu QoQ của DRC quý này.

LNST đạt 59 tỷ đồng (+28,8% QoQ, -38,2% YoY), thấp hơn 15% dự phóng của chuyên viên và phù hợp với kế hoạch DRC chủ yếu do (1) Mức sụt giảm doanh thu đề cập trên; Biên LN gộp thấp tương tự Q3/2024, đạt 12,6% (-576 bps YoY), mức thấp nhất trong 6 quý gần nhất, do giá vốn/sản

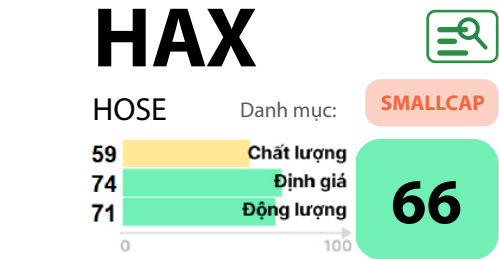


Chúng tôi duy trì quan điểm tích cực về tốc độ tăng trưởng sẽ cao hơn cho tới hết 1H2025 bởi: Hiệu ứng nền thấp của nửa đầu năm 2024. Đóng góp mới từ hai tàu được cho thuê là HAIAN OPUS, HAIAN GAMA. Hai tàu HAIAN WEST và HAIAN EAST sẽ được tái ký vào tháng 3/2025, với mức giá dự kiến cao hơn 25% YoY.

“Dự phóng tàu HAIAN GAMA sẽ đóng góp tích cực vào KQKD của HAH trong năm 2025.”

Trong Q4/2024, LNST cổ đông công ty mẹ của HAH đạt 280 tỷ đồng (+345% YoY), cao hơn 60% so với dự phóng của chúng tôi (dự phóng đạt 175 tỷ đồng). Doanh thu thuần đạt 1.211 tỷ đồng (+7% QoQ, +82% YoY). Doanh thu tăng trưởng tốt nhờ hoạt động đội tàu: Ước tính doanh thu xếp dỡ đạt 108 tỷ đồng (+13% QoQ, +64% YoY); Ước tính doanh thu đội tàu đạt 1.076 tỷ đồng (+25% QoQ và +112% YoY). Nhìn chung, KQKD Q4-FY24 của HAH tích cực nhờ cả hai yếu tố sản lượng và giá cước vận tải/cho thuê cao.

Lũy kế năm 2024, doanh thu và LNST-CDM đạt 3.992 tỷ đồng (+53% YoY) và 650 tỷ đồng (+69% YoY), tương ứng hoàn thành 101%/145% kế hoạch năm và 106%/119% dự phóng của chúng tôi.



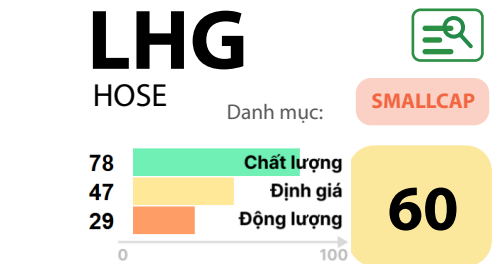
Trong Q4/2024, doanh thu thuần đạt 1.817 tỷ đồng (+18,4% QoQ, +68,8% YoY), cao hơn 8% so với dự phóng chuyên viên, trong đó: Doanh thu MBZ đạt 802 tỷ đồng (+8,9% QoQ), tiếp tục hưởng lợi từ CS giảm LPTB 50% (hiệu lực 3 tháng từ 1-9-2024) do xe MBZ chủ yếu là dòng xe CKD (lắp ráp trong nước). Doanh thu MG đạt 696 tỷ đồng (+29,4% QoQ), đến từ đà tăng trưởng mạnh của toàn thị trường xe MG (~+60% QoQ).

LNST quý này đạt 34 tỷ đồng (-45,3% QoQ, +54,3%YoY), thấp hơn đáng kể so với dự phóng của chuyên viên (40-50 tỷ đồng). Điều này đến từ: (1) Suy giảm biên LN gộp MBZ mạnh mẽ, đạt 3,6% (-495 bps QoQ, -196 bps YoY) thấp nhất trong một quý từ năm 2022; (2) Mảng MG cũng ghi

nhận giảm biên LN gộp, đạt 12,6% (-210 bps QoQ, -70 bps YoY).

Chúng tôi cho rằng biến số tăng trưởng của mảng MG là là câu chuyện chính của cổ phiếu HAX ở năm 2025 trong bối cảnh mảng xe sang MBZ phục hồi yếu và biên lợi nhuận có xu hướng thu hẹp. Yếu tố thu hẹp biên lợi nhuận MG là rủi ro giảm giá lớn nhất cho HAX ở năm 2025 khi MG có thể giảm bớt đặc quyền của nhà phân phối này sau 1 năm thâm nhập thành công 2024.

“Tăng trưởng mảng MG là yếu tố chính cho cổ phiếu HAX năm 2025 trong khi mảng xe MBZ phục hồi yếu và biên lợi nhuận có xu hướng thu hẹp.”

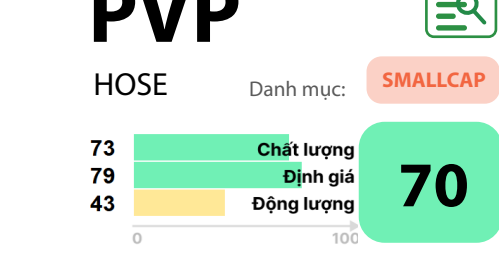


Doanh thu quý 4 đạt 95 tỷ đồng (-35%YoY, +5%QoQ), bao gồm: 1/ 48 tỷ đồng tương đương quý 3) từ cho thuê NXXS khi công ty đã cho thuê toàn bộ nh lô 3A (19-22, KCN LH3); 2/ về thuê đất KCN, công ty chưa ghi nhận thêm doanh thu thuê đất; 3/ 46 tỷ đồng tương đương quý 3) doanh thu khác (chủ yếu là cung cấp dịch vụ trong KCN).

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm về mức 24 tỷ đồng (-47%QoQ), do trong quý này công ty không còn lãi cổ tức (tại CHS); tuy nhiên nhờ doanh thu khác (37.5 tỷ đồng từ chênh lệch bồi thường đất) LHG ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 44 tỷ đồng tương đương so với quý 3). Cho cả năm 2024, LHG ghi nhận LNST đạt 184 tỷ đồng (+11%YOY), phù hợp với kỳ vọng, khi công ty ghi nhận KQKD khiêm tốn từ cho thuê đất KCN.

Về mặt tài sản, hàng tồn kho duy trì ở 828 tỷ đồng (tăng nhẹ so với quý 3/24), chủ yếu từ tăng chi phí đầu tư vào KCN Long Hậu 03; đáng chú ý doanh nghiệp ghi nhận người mua trả tiền trước đạt 76.6 tỷ đồng (chủ yếu từ công ty TNHH Igarashi, dự kiến diện tích cho thuê ~4ha và có thể ghi nhận doanh thu trong 2025). Qua đó, chúng tôi duy trì kỳ vọng doanh thu từ cho thuê đất KCN 2025 đạt 262 tỷ đồng (+173%YoY, với giá thuê trung bình ở USD250/m2/ chu kỳ thuê); LNST dự kiến đạt 250 tỷ đồng (+36%YoY).

“Kỳ vọng doanh thu từ cho thuê đất KCN phục hồi trong năm 2025 nhờ việc ghi nhận doanh thu từ công ty TNHH Igarashi.”



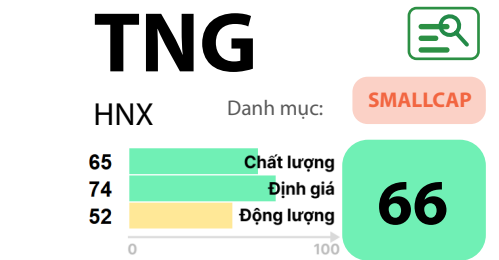
Trong quý 4, doanh thu công ty tăng trưởng 62,98% so với cùng kỳ, giá vốn tăng 60,94% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 33,93 tỷ đồng, tăng 9,17% so với cùng kỳ.

Lũy kế cả năm 2024, doanh thu đạt 1.798,71 tỷ đồng, tăng 8,28% so với cùng kỳ, lợi nhuận lũy kế đạt 208,32 tỷ đồng, tăng 10,76% so với cùng kỳ.

Về tình hình tài chính trong quý 4/2024, chi phí tài chính tăng 135,87% so với cùng kỳ, trong đó chi phí lãi vay tăng 28,39% so với cùng kỳ. Về hoạt động đầu tư, công ty tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào tài sản cố định trong năm 2024, nguyên giá tài sản cố định đạt 3.590,19 tỷ đồng vào cuối quý 4/2024.

Trong tháng 10 vừa rồi, PVP đã nhận thêm 1 tàu MR để vận tải XDTP/HC là tàu Pacific Pride, giúp nâng tổng trọng tải đội tàu lên hơn 300.000 DWT, tương ứng 4 tàu vận tải. Hiện nay, ngoại trừ tàu FSO PVN Dai Hung Queen đang phục vụ khai thác tại mỏ Đại Hùng, nằm trong thêm lục địa Việt Nam, 100% các tàu XDTP/HC của PVP đều đang khai thác hiệu quả trên các tuyến quốc tế, với khách hàng là những Oil Major uy tín.

“Lợi nhuận Q4/2024 tăng 9,17% so với cùng kỳ, lãi 33,93 tỷ đồng.”



KQKD cho Q4-FY24, LNST của TNG đạt 75 tỷ đồng (+32% YoY), tốc độ tăng trưởng chậm lại so với quý trước. Trong đó (1) Mảng dệt may: Doanh thu đạt 1.852 tỷ đồng (-22% QoQ, +12% YoY); Doanh thu tài chính ghi nhận 35 tỷ đồng (+94% YoY); Chi phí lãi vay ghi nhận 55 tỷ đồng (-14% YoY) và (2) Mảng cho thuê đất CCN Sơn Cẩm 1 ghi nhận doanh thu chưa thực hiện là 80 tỷ đồng, tăng 10 tỷ đồng so với quý trước.

Lũy kế năm 2024: Doanh thu đạt 7.736 tỷ đồng (+9% YoY), trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng 97%, với thị trường chính là Mỹ và Châu Âu, tương ứng với hai khách hàng lớn là The Children Place và Decathlon. Lần lượt hoàn thành 98% kế hoạch năm và 101% dự phóng của chúng tôi. LNST đạt 316 tỷ đồng (+46% YoY), lần lượt hoàn thành

101% kế hoạch năm và 103% dự phóng của chúng tôi.

TNG đã cải thiện tốt các chỉ số về hiệu quả hoạt động, số ngày tồn kho, số ngày nợ phải thu và số ngày nợ phải trả đều chuyển biến tích cực. Chu kỳ chuyển đổi tiền mặt được tối ưu hơn, giảm từ 73 ngày về 51 ngày.

“TNG có triển vọng tích cực nhờ cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính.”

VLB

UPCoM Danh mục: **SMALLCAP**



Giá mục tiêu: 46,000
Giá hiện tại: 41,900
Lợi nhuận kỳ vọng: 9.8%
Vùng mua: 38,000 - 40,000

+/- Doanh thu (Q4/24): 23.3%
+/- LNST (Q4/24): 11.2%
EPS: 4,666
ROE: 32.2%

Trong quý 4, doanh thu công ty tăng trưởng 23,26% so với cùng kỳ, giá vốn tăng 20,05% so với cùng kỳ. Thêm vào đó, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 18,82% so với cùng kỳ. Trong khi chi phí bán hàng tăng 21,13% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 62,64 tỷ đồng, tăng 12,27% so với cùng kỳ.

Lũy kế cả năm 2024, doanh thu đạt 1.303,73 tỷ đồng, tăng 29,96% so với cùng kỳ, lợi nhuận lũy kế đạt 217,98 tỷ đồng, tăng 52,94% so với cùng kỳ.

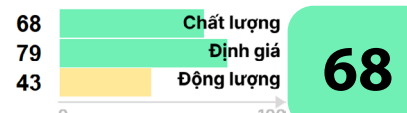
Về hoạt động đầu tư, công ty công ty thanh lý một số tài sản cố định trong năm 2024, nguyên giá tài sản cố định đạt 548,05 tỷ đồng vào cuối quý 4/2024.

VLB đặt kế hoạch doanh thu 2025 hơn 982 tỷ đồng, với phần lớn là doanh thu tiêu thụ sản phẩm đá các loại (khoảng 978 tỷ đồng), các chỉ tiêu sản xuất, tiêu thụ đều là 6 triệu m3. Còn lại là chỉ tiêu kinh doanh vật liệu xây dựng, ước khoảng 4.1 tỷ đồng. Về lợi nhuận, doanh nghiệp đặt mục tiêu lãi trước thuế 2025 đạt 175 tỷ đồng.

"Lợi nhuận Q4/2024 tăng 12,27% so với cùng kỳ, lãi 62,64 tỷ đồng."

VTO

HOSE Danh mục: **SMALLCAP**



Giá mục tiêu: 17,500
Giá hiện tại: 15,100
Lợi nhuận kỳ vọng: 15.9%
Vùng mua: 13,800 - 14,500

+/- Doanh thu (Q4/24): 0.9%
+/- LNST (Q4/24): -21.3%
EPS: 1,307
ROE: 9.1%

Trong quý 4, doanh thu công ty tăng trưởng 0,92% so với cùng kỳ, giá vốn tăng 10,29% so với cùng kỳ. Thêm vào đó, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 9,97% so với cùng kỳ. Trong khi chi phí bán hàng giảm 100% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 32,9 tỷ đồng, giảm 20,2% so với cùng kỳ.

Lũy kế cả năm 2024, doanh thu đạt 1.118,71 tỷ đồng, tăng 3,91% so với cùng kỳ, lợi nhuận lũy kế đạt 109,38 tỷ đồng, tăng 44,69% so với cùng kỳ.

Về tình hình tài chính trong quý 4/2024, chi phí tài chính tăng 130,47% so với cùng kỳ, trong đó chi phí lãi vay giảm 32,57% so với cùng kỳ.

Về hoạt động đầu tư, công ty thanh lý một số tài sản cố định trong năm 2024, nguyên giá tài sản cố định đạt 4.299,57 tỷ đồng vào cuối quý 4/2024.

VTO được hưởng lợi từ việc các tàu hết khấu hao và giúp lợi nhuận công ty cải thiện đáng kể. Ngoài ra, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh ổn định là cơ sở giúp công ty có thể duy trì mức cổ tức tiền mặt cao trong thời gian tới.

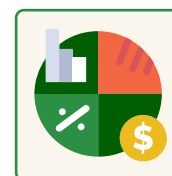
"VTO sẽ hưởng lợi từ các tàu hết khấu hao, cải thiện lợi nhuận trong năm 2024. Dòng tiền ổn định giúp công ty duy trì mức cổ tức tiền mặt cao."

CẬP NHẬT DANH MỤC CHỦ ĐỀ



Cổ tức tiền mặt cao: BMP, LHG, NT2, QNS, SIP,...

Đầu tư công: HPG, HSG, DPG, C4G, CTD,...



P/B < 1: POW, GEX, CTD, PAN, DXG,...

BDS Dân dụng & KCN: HDC, IJC, KDH, DPR, KBC,...



CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
SCS		Hàng không - Du lịch	88.7	80.6	10.0%	76 - 79.5	11.9	5.7	6,787
BMP		Nhựa	146	123.7	18.0%	105 - 115	10.2	3.6	12,103
QNS		Mía đường	52.1	51.6	1.0%	48 - 50	8.0	2.0	6,465
DPR		BĐS Khu công nghiệp	47.1	41.6	13.2%	39 - 41	12.9	1.1	3,217
NT2		Điện	22.1	19.9	11.1%	18.5 - 19.5	79.2	1.4	251

ĐẦU TƯ CÔNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
C4G		Xây dựng	10.0	8.4	19.0%	7.5 - 8	16.6	0.8	506
CTD		Xây dựng	100.0	81.9	22.1%	70 - 76	22.6	0.9	3,631
DPG		Xây dựng	53.0	46.5	14.0%	44 - 46	13.2	1.2	3,534
HPG		Thép	35.8	26.8	33.6%	25.5 - 26.5	14.3	1.6	1,879
HSG		Thép	23	17.75	29.6%	16.5 - 17.5	19.3	1.0	921

P/B < 1

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
POW		Điện	14.4	11.8	22.0%	11.2 - 11.9	21.9	0.8	538
C4G		Xây dựng	10.0	8.4	19.0%	7.5 - 8	16.6	0.8	506
CTD		Xây dựng	100.0	81.9	22.1%	70 - 76	22.6	0.9	3,631
OCB		Ngân hàng	13.0	11.5	13.0%	10.7 - 11.2	8.9	0.9	1,287
TCH		BĐS Dân cư	18.5	15.45	19.7%	14 - 15	9.6	0.8	1,601

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

Cổ phiếu Tăng trưởng Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày06/02/2025
*Đơn vị: nghìn đồng

BĐS DÂN DỤNG & KCN

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
HDC		BĐS Dân cư	28.5	24.4	16.8%	22.5 - 24	67.1	2.0	364
IJC		BĐS Dân cư	16.0	14	14.3%	13.2 - 13.8	14.9	1.1	941
KDH		BĐS Dân cư	41.3	34.6	19.4%	32.5 - 34	43.2	2.0	801
NLG		BĐS Dân cư	38.0	34.45	10.3%	32 - 34	25.9	1.0	1,330
VHM	-	BĐS Dân cư	45.0	38.8	16.0%	36 - 38	5.1	0.8	7,565
DPR		BĐS Khu công nghiệp	47.1	41.6	13.2%	39 - 41	12.9	1.1	3,217
GVR		BĐS Khu công nghiệp	34.0	29.2	16.4%	27 - 29	27.4	2.1	1,064
IDC		BĐS Khu công nghiệp	60.1	55.1	9.1%	52.5 - 55	9.1	2.7	6,050
KBC		BĐS Khu công nghiệp	40.6	29.35	38.3%	27 - 28.5	53.4	1.1	550
LHG		BĐS Khu công nghiệp	54.0	35.5	52.1%	34 - 35	9.5	1.1	3,723

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

Cổ phiếu Tăng trưởng Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 06/02/2025
*Đơn vị: nghìn đồng

TỔNG QUAN VỀ SMARTPORTFOLIO

Cung cấp những danh mục đầu tư chất lượng và phù hợp với từng khẩu vị rủi ro

Mục tiêu đầu tư



Tìm kiếm lợi nhuận bền vững từ việc tăng trưởng vốn gốc và thu nhập cổ tức thông qua việc đầu tư vào các cổ phiếu được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chiến lược đầu tư



Các danh mục mô phỏng theo chiến lược phân bổ cổ phiếu nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý.

Với mục tiêu đầu tư cụ thể, tỷ trọng của các nhóm cổ phiếu sẽ được phân bổ khác nhau ở mỗi danh mục tùy thuộc vào mức độ rủi ro và kỳ vọng lợi nhuận tương ứng của từng danh mục.

Cơ cấu đầu tư



Các danh mục sẽ có sự kết hợp tỷ trọng giữa các nhóm cổ phiếu giá trị, tăng trưởng, chủ đề và linh hoạt để tạo ra sự đa dạng về lợi suất kỳ vọng cũng như rủi ro.

Cơ cấu danh mục đầu tư đa dạng theo ngành nghề dựa theo tiềm năng tăng trưởng của ngành, tình hình kinh tế vĩ mô và thanh khoản trên thị trường.

Thời hạn đầu tư 6 - 12 tháng.

Phương pháp đầu tư



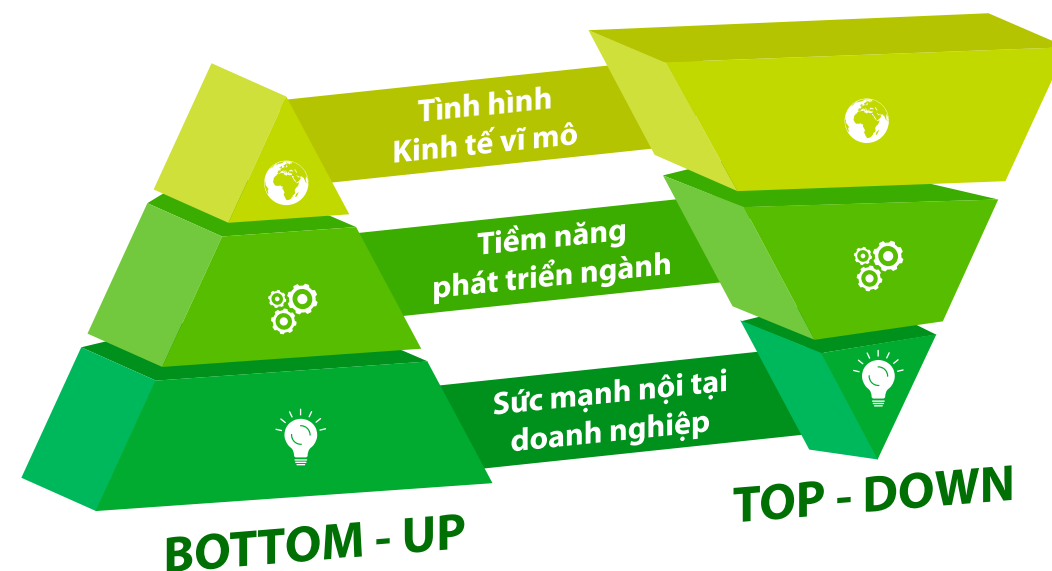
SmartPortfolio thiết kế các danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá hấp dẫn so với các yếu tố cơ bản.

Cổ phiếu niêm yết trên 2 sàn HSX và HNX. Vốn hóa cổ phiếu >1,000 tỷ VNĐ. Thanh khoản trung bình phiên trong 30 ngày gần nhất >100,000 cổ phiếu. Tiềm năng tăng giá (bao gồm suất cổ tức kỳ vọng) của cổ phiếu > 15% trong chu kỳ 12 tháng.

PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

I. Phương pháp tiếp cận

Kết hợp **Bottom-Up** và **Top-down** để tìm kiếm các cơ hội đầu tư vượt trội.



Đối với phương pháp Bottom-up: Chúng tôi tập trung vào những doanh nghiệp có những câu chuyện riêng:

- ✓ Doanh nghiệp có tài sản ngầm, chưa được khai thác đầy đủ
- ✓ Doanh nghiệp đang trong quá trình tái cấu trúc, thay đổi cơ cấu chủ sở hữu từ đó dẫn đến các cải thiện tích cực trong kết quả kinh doanh; Cổ phiếu liên quan đến hoạt động mua bán sáp nhập
- ✓ Cổ phiếu của các doanh nghiệp nằm trong danh sách thoái vốn của Nhà nước;
- ✓ Cổ phiếu có giá thị trường giảm sâu trong ngắn hạn và giảm sâu với giá định giá hợp lý.

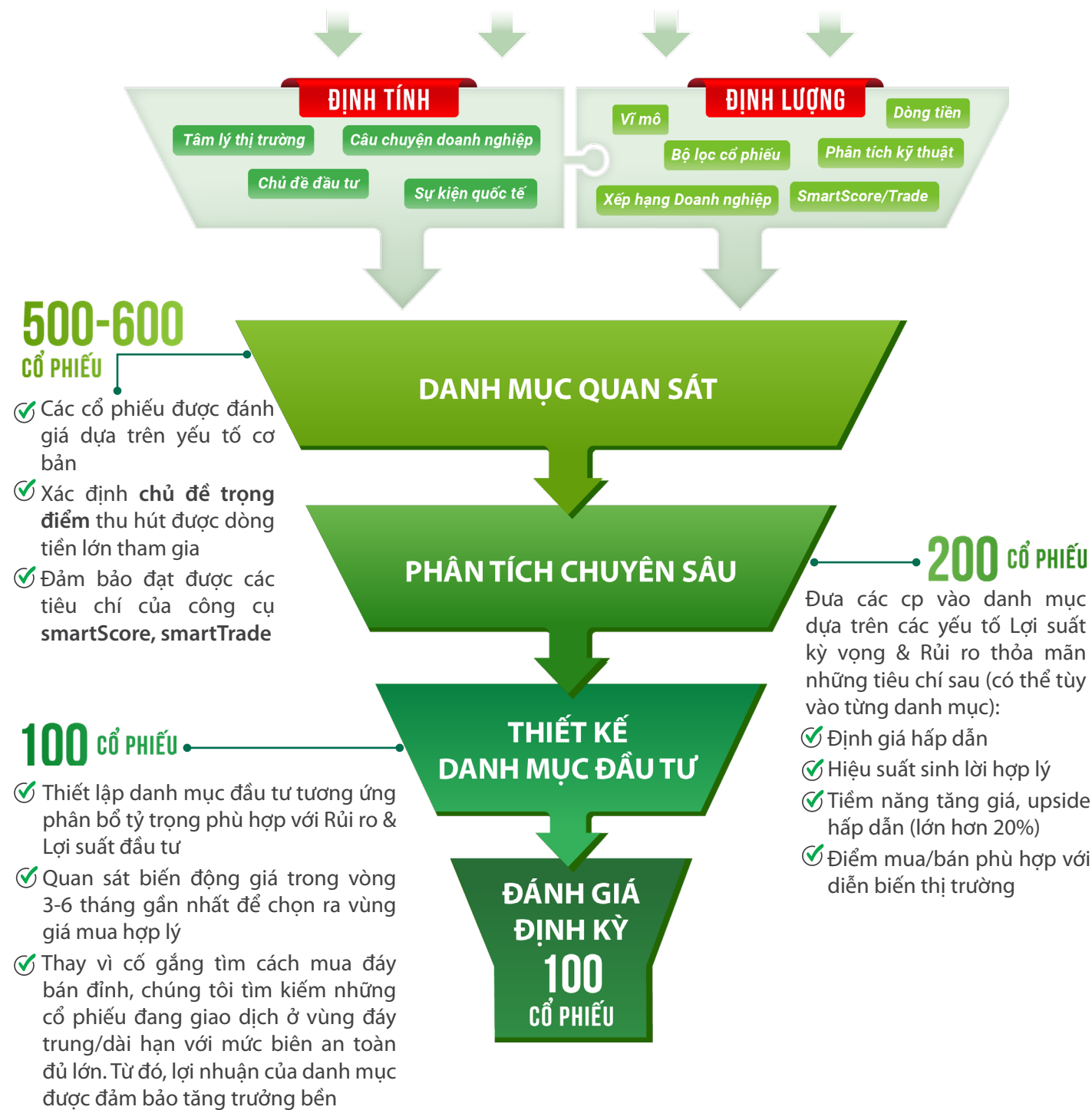
Đối với phương pháp Top-down: Các cổ phiếu được chúng tôi thẩm định theo tuần tự:

- 1 Phân tích chỉ báo kinh tế vĩ mô, chính sách để tìm kiếm các ngành nghề triển vọng.
- 2 Tìm kiếm cổ phiếu các doanh nghiệp tiềm năng nhất ngành dựa trên các yếu tố cơ bản như:
 - ✓ Sức mạnh và sự ổn định tài chính, hiệu quả hoạt động
 - ✓ Chất lượng quản trị & năng lực điều hành
 - ✓ Lợi thế cạnh tranh, thị phần, quy mô, mô hình kinh doanh và loại hình sản phẩm hay dịch vụ đang cung cấp
 - ✓ Tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận
- 3 Tập trung những cổ phiếu đang được định giá hấp dẫn so với giá trị thực cũng như tiềm năng tăng giá trong tương lai.



II. Quy trình xây dựng danh mục đầu tư

~ 1700 CỔ PHIẾU



Cổ phiếu Tăng trưởng (●)

Cổ phiếu tăng trưởng là cổ phiếu của một công ty được dự đoán sẽ tăng trưởng với tốc độ cao hơn đáng kể so với mức tăng trung bình của thị trường. Những cổ phiếu này thường ít trả cổ tức, thay vào đó công ty thường tái đầu tư tất cả thu nhập để thúc đẩy tăng trưởng trong ngắn hạn. Các nhà đầu tư sau đó kiếm được tiền nhờ tăng trưởng giá ẩn tượng khi

họ bán cổ phiếu. Do không có cổ tức, đầu tư vào cổ phiếu tăng trưởng có thể khá rủi ro. Cơ hội duy nhất mà một nhà đầu tư kiếm được tiền là khi họ bán cổ phần của mình và hưởng lợi từ mức giá phản ánh câu chuyện tăng trưởng trong tương lai của doanh nghiệp.

Cổ phiếu Phòng thủ (●)

Cổ phiếu phòng thủ là loại cổ phiếu mang lại cổ tức và dòng thu nhập ổn định bất kể tình hình của thị trường chứng khoán. Do nhu cầu liên tục cho các sản phẩm/dịch vụ của công ty mình, cổ phiếu phòng thủ có xu hướng duy trì sự ổn định trong các giai đoạn khác nhau của chu kỳ kinh doanh. Một số cổ phiếu thuộc các ngành nghề đặc trưng với tính phòng thủ như y tế, hàng tiêu dùng thiết yếu, sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước...

Danh sách cổ phiếu chờ

Danh sách cổ phiếu chờ là danh sách những cổ phiếu được ưu tiên lựa chọn để thay thế những cổ phiếu trong danh mục chính tại thời điểm cơ cấu danh mục vào cuối tháng.

Chấm điểm smartScore

Điểm Chất lượng tập trung đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và sự tăng trưởng của doanh nghiệp.

* Các tiêu chí cấu phần điểm Chất lượng:

- ✓ **Chỉ số Hoạt động:** vòng quay phải thu, vòng quay hàng tồn kho, vòng quay phải trả,...
- ✓ **Chỉ số Thanh khoản:** chỉ số thanh toán nhanh, chỉ số thanh toán hiện hành,...
- ✓ **Chỉ số Cơ cấu tài sản:** nợ vay/vốn chủ sở hữu, nợ vay/tài sản,...
- ✓ **Chỉ số Hiệu quả:** biên lợi nhuận thuần, biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, biên lợi nhuận ròng,...
- ✓ **Chỉ số Tăng trưởng:** tăng trưởng doanh thu, tăng trưởng lợi nhuận ròng, tăng trưởng EPS, CAGR lợi nhuận ròng (4 năm),...

Điểm Định giá tập trung đo lường để xem xét thị giá của cổ phiếu đang cao hay thấp so với giá trị thực hoặc so với ngành.

* Các tiêu chí cấu phần điểm Định giá:

- ✓ P/E, P/B, P/S, EV/EBITDA, EV/S,...
- ✓ Vốn hoá thị trường,...

Điểm Động lượng tập trung đo lường biến động giá và khối lượng giao dịch của cổ phiếu trên thị trường.

* Các tiêu chí cấu phần điểm Động lượng:

- ✓ Khối lượng giao dịch cổ phiếu trung bình 3 tháng, 2 tuần,...
- ✓ Tỷ lệ thay đổi giá của cổ phiếu 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng,...
- ✓ Khối lượng giao dịch 2 tuần/ 3 tháng,...